

CHUYÊN ĐỀ TRUYỆN THƠ NÔM TRUNG ĐẠI

TRUYỆN KIỀU

(Nguyễn Du)

I- VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ, GIA ĐÌNH, THỜI ĐẠI

1. Tác giả

- Nguyễn Du (1765 - 1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên.
- Quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
- Nguyễn Du từ nhỏ có cuộc sống sung sướng, thông minh, giỏi văn chương. Nhưng lên 9 tuổi mồ côi cha và 12 tuổi mồ côi mẹ, cuộc sống của Nguyễn Du có nhiều biến đổi, phải sống tự lập từ đây.

- Nguyễn Du là người có kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc. Cuộc đời từng trải, đi nhiều, tiếp xúc nhiều đã tạo cho Nguyễn Du một vốn sống phong phú và niềm đồng cảm sâu sắc với những đau khổ của nhân dân. Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.

2. Gia đình.

- Ông sinh ra trong một gia đình đại quý tộc có thế lực bậc nhất lúc bấy giờ. Cha là Nguyễn Nghiễm, đỗ tiến sĩ, vừa là nhà nghiên cứu sử học vừa là nhà văn, nhà thơ và làm đến chức tể tướng trong triều. Anh trai cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản là người tài hoa, rất giỏi thơ phú, từng làm quan to dưới Triều Lê – Trịnh.

- Mẹ là Trần Thị Tần xuất thân bình dân, người xứ Kinh Bắc giỏi nghề ca xướng, là vợ thứ 3 và ít hơn chồng 32 tuổi. Từ thuở nhỏ, Nguyễn Du đã chịu nhiều ảnh hưởng của người mẹ.

3. Thời đại

Nguyễn Du sống vào cuối Triều Lê đầu triều Nguyễn. Đây là thời kỳ chế độ phong kiến khủng hoảng trầm trọng, giai cấp thống trị thối nát, đời sống xã hội đen tối. Nông dân nổi dậy nhiều nơi, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn đánh đổ các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn, quét sạch hai mươi vạn quân Thanh xâm lược.

4. Sự nghiệp văn học

Nguyễn Du để lại một di sản văn hóa lớn cho dân tộc gồm những tác phẩm bằng chữ Hán và chữ Nôm:

- Tác phẩm chữ Hán: *Thanh Hiên thi tập*, *Bắc hành tạp lục*, *Nam trung tạp ngâm*.
- Tác phẩm chữ Nôm: *Truyện Kiều*, *văn chiêu hồn*, *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu*.

II- KHÁI QUÁT VỀ TRUYỆN KIỀU

1. Nguồn gốc Truyện Kiều

Truyện Kiều có nguồn gốc cốt truyện từ một tác phẩm văn học của Trung Quốc Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Nguyễn Du đã mượn cốt truyện và nhân vật. Tuy nhiên, phân sáng sáng tạo của Nguyễn Du là rất lớn. Chính điều này đã làm nên giá trị của kiệt tác *Truyện Kiều*.

2. Giá trị nội dung

- *Giá trị hiện thực*: *Truyện Kiều* là bức tranh hiện thực về xã hội phong kiến bất công, tàn bạo, phơi bày bộ mặt thối nát của tầng lớp thống trị và nỗi khổ đau của con người, đặc biệt là người phụ nữ.

- *Giá trị nhân đạo*: Nguyễn Du bộc lộ niềm cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của con người, tố cáo xã hội và những thế lực đen tối đã chà đạp quyền sống của con người lương thiện. Ông trân trọng đề cao vẻ đẹp hình thức, nhân phẩm, tài năng và những khát vọng chân chính của con người về quyền sống, quyền hạnh phúc, tự do, công lí...

3. Giá trị nghệ thuật

Tác phẩm là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại, bút pháp nghệ thuật...

- *Về ngôn ngữ*: Tiếng Việt trong *Truyện Kiều* đã đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ nghệ thuật, có chức năng biểu đạt, biểu cảm và có giá trị thẩm mĩ. Ngôn ngữ kể chuyện có cả ba hình thức: trực tiếp (lời của nhân vật); gián tiếp (lời của tác giả); nửa trực tiếp (lời của tác giả nhưng mang suy nghĩ, giọng điệu của nhân vật).

- *Về thể loại* : nghệ thuật tự sự bằng thơ có sự phát triển vượt bậc, thể lục bát, được sử dụng nhuần nhuyễn đạt tới độ mẫu mực của thể lục bát cổ điển.

- Nghệ thuật tả người : Bút pháp ước lệ, chú ý miêu tả ngoại hình, hành động, tâm lí nhân vật làm hiện lên con người hành động và con người cảm nghĩ.

- Nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên; miêu tả bức tranh chân thực và tả cảnh ngụ tình. *Truyện Kiều* đã trở thành một kiệt tác của văn học Việt Nam góp phần đưa tên tuổi của Nguyễn Du được vinh danh là một danh nhân văn hóa thế giới.

VĂN BẢN: CHỊ EM THÚY KIỀU **(Trích *Truyện Kiều*- Nguyễn Du)**

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Vị trí đoạn trích

Nằm ở phần đầu tác phẩm *Truyện Kiều*, phần gập gỡ và đính ước.

2. Bố cục: Bốn phần

- Phần một: Bốn câu đầu: Giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều
- Phần hai: 4 câu tiếp: Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân
- Phần ba: 12 câu tiếp: Gợi tả vẻ đẹp nhan sắc và tài năng của Thúy Kiều
- Phần bốn: 4 câu cuối: Nhận xét chung và phẩm hạnh của hai chị em

3. Nghệ thuật, nội dung

* Nghệ thuật:

- Bút pháp ước lệ tượng trưng tạo được sức gợi.
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật tinh tế: xây dựng được những bức chân dung đa dạng linh hoạt, thu hút.
- Nghệ thuật sử dụng ngôn từ độc đáo, đặc biệt là lựa chọn những từ ngữ có giá trị gợi tả cao.

* Nội dung

Đoạn trích ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của hai chị em Thúy Kiều và dự cảm về kiếp người tài hoa, bạc mệnh qua cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du.

II, Đọc – hiểu văn bản

1, Giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều (bốn câu đầu)	. Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã sử dụng nghệ thuật ước lệ, cổ điển để giới thiệu về lai lịch, vị trí trong gia đình và vẻ đẹp của hai chị em: “Đầu lòng hai ả tố nga Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân Mai cốt cách tuyết tinh thần Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười” -Lai lịch: Họ là hai người con gái đầu trong gia đình họ Vương -Vị trí trong gia đình: Thúy Kiều là chị, Thúy Vân là em -Vẻ đẹp của hai chị em + “Mai cốt cách”: Cốt cách thì thanh cao như hoa mai. Đó là một loài hoa mà sắc thì rực rỡ, hương thì quý phái + “Tuyết tinh thần”: Phong thái, tinh thần thì trong trắng, tinh khiết như hoa tuyết. *Nhịp điệu 4/4, 3/3 ở câu thơ thứ hai, nhịp nhàng, đối xứng, làm nổi bật được vẻ đẹp đến độ hoàn mỹ của cả hai chị em. Tác giả sử dụng lời bình để khép lại bốn câu thơ đầu: “Mỗi người một vẻ”, cho thấy nét riêng từ nhan sắc, tính cách, tâm hồn của mỗi người. “Mười phân vẹn mười”, đã tô đậm được vẻ đẹp đến độ toàn diện, hoàn hảo của hai chị em.
---	---

	Lời giới thiệu vô cùng ngắn gọn, nhưng đã mang đến cho chúng ta nhiều thông tin phong phú và những ấn tượng đậm nét nhất về vẻ đẹp của hai nhân vật Thúy Vân và Thúy Kiều. Đồng thời, cũng bộc lộ được cảm hứng ca ngợi cái tài hoa, nhan sắc của con người qua nghệ thuật điêu luyện, tài hoa của Nguyễn Du
2, Gọi tả vẻ đẹp của Thúy Vân (bốn câu tiếp)	Chỉ bằng bốn câu thơ, Nguyễn Du đã tả một cách đầy đủ, trọn vẹn những đặc điểm của nhân vật Thúy Vân: “Vân xem trang trọng khác vời Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang Hoa cười ngọc thốt đoan trang Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.” - Câu thơ đầu tiên giới thiệu khái quát phong thái của Thúy Vân + Từ “xem” thể hiện sự đánh giá mang tính chủ quan của người miêu tả + Từ “trang trọng” cho thấy sự xuất hiện của nhân vật Thúy Vân với vẻ đẹp mang phong thái đoan trang, cao sang, quý phái Gợi ấn tượng tốt đẹp về một người phụ nữ trong khuôn khổ, lễ giáo của xã hội phong kiến Tiếp đó, tác giả miêu tả một cách chi tiết, trọn vẹn bức chân dung tuyệt đẹp của nhân vật Thúy Vân qua bút pháp ước lệ tượng trưng kết hợp thủ pháp ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, liệt kê và đi kèm những từ ngữ giàu sức gợi: + Hình ảnh ẩn dụ: “khuôn trăng đầy đặn” đã vẽ nên một khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, xinh đẹp, sáng trong như mặt trăng; “nét ngài nở nang” gợi tả một đôi long mày cong, sắc nét như mày ngài. Cặp lông mày ấy tạo nên vẻ cân xứng, hài hòa trên khuôn mặt trẻ trung của Vân. + Hình ảnh nhân hóa: “hoa cười ngọc thốt” gợi tả khuôn miệng cười tươi tắn như hoa nở và tiếng nói trong trẻo thốt ra từ hàm răng ngọc ngà; “mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da” đã gợi tả mái tóc óng ả, nhẹ hơn mây, làn da trắng mịn màng hơn tuyết. + Những từ ngữ giàu sức gợi: “đầy đặn”, “nở nang”, “đoan trang” làm nổi bật, nhấn mạnh vẻ đẹp đầy đặn, phúc hậu, quý phái của Thúy Vân

	+ Vẻ đẹp đoan trang của Thúy Vân được so sánh với những hình tượng đẹp nhất của thiên nhiên: trăng, hoa, ngọc, mây, tuyết. -Nguyễn Du đã sử dụng rất có chọn lọc hai động từ “thua” và “nhường”. “Mây” và “ tuyết” là của thiên nhiên, tạo hóa, hay đó còn là cả một xã hội phong kiến. Và với vẻ đẹp phúc hậu, hài hòa trong khuôn khổ của xã hội phong kiến, thì đầu Vân có đẹp hơn những cái đẹp nhất của thiên nhiên thì nàng vẫn được đón nhận, bao bọc và yêu thương. -Đặc biệt. từ bức chân dung ngoại hình của Thúy Vân, ta thấy được tính cách và số phận của nàng: tính cách rất trầm tĩnh, dịu dàng, đoan trang phúc hậu. Đó là hình mẫu lý tưởng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Nó dự đoán một số phận, một tương lai êm ấm và bình lặng đang chờ đón nàng => Bằng bút pháp cổ điển ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã khắc họa thành công bức chân dung của nhân vật Thúy Vân để từ đó gợi cho người đọc thấy được tính cách và số phận của nàng.
3, Gọi tả vẻ đẹp nhan sắc và tài năng của Thúy Kiều (mười hai câu tiếp)	Nếu như miêu tả bức chân dung của Thúy Vân, Nguyễn Du chỉ dùng có bốn câu thì đến Thúy Kiều ông dùng đến mười hai câu. Chứng tỏ, tác giả đã ưu ái, dùng nhiều bút lực và sự yêu mến đặc biệt cho nhân vật này. Sự yêu mến đó càng được khẳng định khi Nguyễn Du sử dụng nghệ thuật đòn bẩy một cách tài tình: Ông miêu tả nhân vật Thúy Vân trước như một tuyệt thế giai nhân để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều: “Kiều càng sắc sảo mặn mà So bề tài sắc lại là phần hơn” Từ “càng” đứng trước từ láy liên tiếp: “sắc sảo”, “mặn mà” để tô đậm vẻ đẹp “sắc sảo” về trí tuệ và vẻ “mặn mà” về tâm hồn của Thúy Kiều. ->Không tả một cách cụ thể, nhưng Nguyễn Du đã khắc sâu trong tâm trí người đọc một ấn tượng sâu sắc về đẹp vượt trội của Thúy Kiều. Lỗi miêu tả giúp tác giả tránh được sự trùng lặp nhàm chán và phát huy được trí

tướng tượng của độc giả. Đây chính là sự tài hoa và tài tình của Nguyễn Du.

a, Vẻ đẹp nhan sắc:

Khác với Thúy Vân, tác giả không miêu tả cụ thể, chi tiết mà chỉ đặc tả đôi mắt theo lối “điểm nhãn”, tức là vẽ hồn chân dung bằng những hình ảnh mang tính ước lệ:

“Làn thu thủy nét xuân sơn,

Ho ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”

+ “Làn thu thủy” đó là đôi mắt trong sáng, tĩnh lặng, sâu thẳm, huyền ảo như làn nước mùa thu.

+ “Nét xuân sơn” đó là đôi lông mày thanh tú, xinh đẹp như dáng núi mùa xuân.

->Không cần phải nhiều nét, nhưng bức chân của nhân vật Thúy Kiều vẫn hiện lên với những gì hoàn mỹ nhất. Đôi mắt, nó không chỉ mang vẻ đẹp bên ngoài mà đó còn là cửa sổ thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ. Đó cũng chính là cách tả truyền thống trong văn học trung đại; nét đậm đan xen với nét nhạt, chỗ tỉ mỉ, chỗ chấm phá.

Hình ảnh nhân hóa “hoa ghen” và “liễu hờn” thể hiện thái độ của thiên nhiên trước vẻ đẹp của Kiều. Ông không tả trực tiếp vẻ đẹp ấy mà tả sự đố kị, ghen ghét, để thêm khẳng định cho vẻ đẹp ấy. Và để khách quan, ông đã để cho tạo hóa đánh giá vẻ đẹp nhan sắc của Thúy Kiều

Vẻ đẹp của Kiều không chỉ khiến cho hoa phải “ghen”, liễu phải “hờn” mà còn khiến cho nước phải nghiêng, thành phải đổ. Một sức ngưỡng mộ, mê say đến điên đảo cho vẻ đẹp của Kiều

“Nghiêng nước nghiêng thành” còn là cách nói sáng tạo từ điển cố “nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc” (nghe nói lại nhìn một lần thì làm nghiêng thành người, nghe nói lại nhìn lần nữa thì làm nghiêng nước người) để cực tả vẻ đẹp của bậc sắc giai nhân.

Vẻ đẹp, chân dung của Thúy Kiều cũng dự báo về tính cách và số phận của nàng: Cái đẹp của Kiều không hài hòa mà vượt qua mọi khuôn khổ, chuẩn mực phép tắc của tạo hóa,

xã hội. Vì vậy khiến cho các vẻ đẹp khác phải ghen ghét, oán hận, đố kị và chứa đựng ý muốn trả thù. Nó dự báo về một tính cách, tâm hồn đa sầu, đa cảm, một số phận sóng gió

->Vẻ đẹp nhan sắc của Thúy Kiều mang một ấn tượng mạnh và sức gọi cho người đọc. Đó là vẻ đẹp tuyệt thế giai nhân, vẻ đẹp của chiều sâu, hơn những gì đẹp nhất.

b, Vẻ đẹp của tài năng và tâm hồn

Không chỉ miêu tả là một giai nhân tuyệt thế, Nguyễn Du còn cho thấy nàng là người phụ nữ thông minh, có trí tuệ thiên bẩm và rất đa tài:

“Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bậc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương”

->Đây là một sự táo bạo của Nguyễn Du khi ông coi trí tuệ của người phụ nữ cũng là một phương diện để ca ngợi. Người phụ nữ trong khuôn khổ của xã hội phong kiến là “tam tông, tứ đức”, là “công, dung, ngôn, hạnh”, là “cầm, kì, thi, họa” và không hề có phương diện thông minh. Cho nên sự thông minh của Kiều được đặt trong bối cảnh của xã hội phong kiến lúc bấy giờ là một sự bứt phá, dũng cảm và táo bạo của Nguyễn Du. Ông đã đưa Kiều vượt khỏi những khuôn mẫu chuẩn mực của xã hội phong kiến.

- Nàng là người con gái đa tài, đủ cả cầm (đàn), kì (cờ), họa (vẽ) và tài nào cũng đạt đến độ xuất chúng. Đặc biệt, tài đàn đã được Nguyễn Du tập trung miêu tả.

+ Đó là năng khiếu, là sở trường của nàng, tài đàn của nàng điêu luyện và vượt lên trên mọi người: “Lầu bậc ngũ âm”, “ăn đứt hồ cầm”

+ Không chỉ vậy, nàng còn giỏi cả sáng tác. “Bạc mệnh” chính là khúc nhạc mà nàng tự viết, khi cất lên ai cũng xúc động.

	- Miêu tả tài đàn cũng là một cách mà Nguyễn Du tập trung gợi lên một thế giới tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, đa sầu, đa cảm của Thúy Kiều. - Đặc biệt cung “Bạc mệnh” như dự báo trước cuộc đời hồng nhan bạc mệnh, tài mệnh tương đố khó tránh khỏi của nàng. => Qua mười hai câu thơ, chúng ta thấy được vẻ đẹp hội tụ sắc-tài-tình, tất cả đều đến mức lí tưởng, xuất chúng của Thúy Kiều. Đồng thời, cho thấy sự tài hoa của Nguyễn Du trong nghệ thuật miêu tả nhân vật.
4, Nhận xét chung về cuộc sống và phẩm hạnh của hai chị em (4 câu cuối)	- Hai chị em Thúy Vân, Thúy Kiều không chỉ là những bậc tuyệt thế giai nhân mà họ còn là những đức hạnh và sống có khuôn phép: “Phong lưu rất mực hồng quần, Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê Êm đềm trướng rủ màn che, Tường đông ong bướm đi về mặc ai.” + Gia cảnh: Họ sống trong một gia đình “phong lưu”, khuôn phép, nề nếp + Cuộc sống: Êm đềm, bình lặng, kín đáo trong “trướng rủ màn che” + “Xuân xanh xấp xỉ”, “tuần cập kê” gợi đến cái tuổi “toác búi, trâm cài” của cả hai chị em. Song họ vẫn sống một cuộc sống kín đáo, gia giáo sau bốn bức tường khép kín chưa từng biết đến chuyện nam nữ. -> Hai chị em họ vẫn là những thiếu nữ có tâm hồn trong trắng như hai bông hoa vẫn còn trong nhụy, sống trong cảnh êm đềm và chưa một lần hương tỏa vì ai, đúng với khuôn phép, mẫu mực của lễ giáo phong kiến.
5, Cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du qua đoạn trích	- Gợi tả vẻ đẹp của chị em Thúy Vân, Thúy Kiều, Nguyễn Du đã trân trọng, đề cao những giá trị, vẻ đẹp của con người như nhan sắc, tài hoa, phẩm hạnh, khát vọng ý thức về thân phận, nhân phẩm cá nhân.

	- Bên cạnh việc trân trọng cái đẹp là những dự cảm đầy xót thương về kiếp người hồng nhan bạc mệnh, tài mệnh tương đố của Nguyễn Du. Đó chính là biểu hiện của tấm lòng thương cảm sâu sắc, tràn đầy cảm hứng nhân văn với con người của Nguyễn Du
--	--

III- ĐỀ BÀI LUYỆN TẬP

A) DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU

Bài tập 1: Trong hai bức chân dung Thúy Vân và Thúy Kiều, em thấy bức chân dung nào nổi bật hơn? Vì sao?

Gợi ý: Trong hai bức chân dung Thúy Vân và Thúy Kiều, bức chân dung Thúy Kiều nổi bật hơn vì

+ Chân dung Thúy Vân được miêu tả trước để làm nổi bật chân dung Thúy Kiều. Có thể coi đây là thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy. Nguyễn Du chỉ dùng bốn câu thơ để miêu tả vẻ đẹp của Vân trong khi dùng tới 12 câu thơ để cực tả vẻ đẹp của Kiều.

+ Vẻ đẹp của Vân chủ yếu là vẻ đẹp ngoại hình còn vẻ đẹp của Kiều là cả nhan, sắc, tài năng, tâm hồn.

⇒ Qua đó ta thấy được sự tinh tế của tác giả khi miêu tả nhân vật Thúy Kiều.

Bài tập 2 : Một trong những thành công nổi bật của Nguyễn Du trong đoạn trích “*Chị em Thúy Kiều*” là sử dụng bút pháp ước lệ để miêu tả nhân vật chính diện .

Thế nào là bút pháp ước lệ ? Tìm trong đoạn trích và chép lại chính xác những câu thơ tả nhan sắc Thúy Vân và Thúy Kiều có sử dụng bút pháp ước lệ.

Viết đoạn văn ngắn khoảng 10 câu phân tích tài nghệ miêu tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn trích này.

Gợi ý :Bút pháp ước lệ là :

+ Lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người.

+ Sử dụng những “công thức miêu tả” có sẵn trong quy ước của cộng đồng văn chương để miêu tả . (Ví dụ : tả người phụ nữ đẹp : mặt hoa, mày liễu; tả mùa thu : lá ngô đồng rơi, ao sen tàn lạnh....)

* Tả Thúy Vân :

*“Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang”*

* Tả Thúy Kiều

“Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”

Đề bài

Cho câu thơ: “*Kiều càng sắc sảo mặn mà*”

1. Chép chính xác những câu thơ tiếp theo tả sắc đẹp của Kiều.
2. Đoạn thơ em vừa chép nằm trong văn bản nào? Hãy giới thiệu vị trí của văn bản đó trong tác phẩm.
3. Khi tả vẻ đẹp của Thúy Kiều, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì là chủ yếu? Trong tả, Nguyễn Du có dự báo trước cuộc đời và số phận của Thúy Kiều không? Hãy trình bày ngắn gọn ý kiến của em.

GỢI Ý:

Câu 1

- Chép chính xác 5 dòng thơ tiếp theo

Câu 2

- Văn bản: “Chị em Thúy Kiều”
- Vị trí:
+ Trích “Truyện Kiều” (Nguyễn Du), phần I: “Gặp gỡ và đính ước” (từ câu 15 đến câu 38)
+ Sau khi giới thiệu về gia cảnh Vương viên ngoại, đoạn trích tả vẻ đẹp của hai chị em T.V, T.K

Câu 3

- Bút pháp ước lệ tượng trưng
- Nghệ thuật dự báo: Thông qua nghệ thuật sử dụng ngôn từ: ngôn ngữ mang tính dự báo
+ “sắc sảo”: vẻ đẹp gắn với sự thông minh, lanh lợi -> khó bằng lòng với cuộc sống bình lặng
+ “mặn mà”: vẻ đẹp gắn với tâm hồn sâu lắng, nhiều suy tư -> gợi một cuộc sống nhiều trăn trở, suy tư, khó giản đơn
+ “hoa ghen, liễu hờn”: NT nhân hóa -> nhấn mạnh vẻ đẹp vượt trội, khó hài hòa với cuộc sống chung, dễ gặp phải những ganh ghét, đố kỵ ở đời -> một số phận không bình lặng.

Đề bài:

Một bài thơ trong sách Văn học 9 có câu: “Làn thu thủy, nét xuân sơn”.

a) Hãy chép lại 9 câu thơ nối tiếp câu thơ trên. Đoạn thơ em vừa chép có trong tác phẩm nào, do ai sáng tác? Kể tên nhân vật được nói đến trong đoạn thơ.

b) Từ “hòn” trong câu thứ hai của đoạn thơ trên bị một bạn chép nhầm thành từ “buồn”. Em hãy giải thích ngắn gọn cho bạn hiểu rằng chép sai như vậy đã làm ảnh hưởng lớn đến ý nghĩa câu thơ.

c) Để phân tích đoạn thơ đó, một học sinh có câu: Khác với Thúy Vân, Thúy Kiều mang một vẻ đẹp “sắc sảo mặn mà” về cả tài lẫn sắc.

- Nếu dùng câu văn trên làm mở đoạn của một đoạn văn theo kiểu Tổng hợp - Phân tích - Tổng hợp thì đoạn văn ấy sẽ mang đề tài gì?

- Viết tiếp sau câu mở đoạn trên khoảng từ 10 đến 15 câu để hoàn chỉnh đoạn văn với đề tài em vừa xác định. Trong đoạn có một câu ghép đẳng lập (gạch một gạch dưới câu ghép đẳng lập đó).

Gợi ý:

a) Chép chính xác 9 câu thơ nối tiếp đã cho đúng bản in trong sách Văn học 9 (không tính dấu câu).

b) Nêu đúng tên tác giả Nguyễn Du, tác phẩm Truyện Kiều, tên nhân vật trong đoạn trích: Thúy Kiều, Thúy Vân.

b) Nói được ý: Từ “buồn” không diễn tả được nỗi uất ức, đố kỵ, tức giận như từ “hòn”; do đó chưa phù hợp với ý nghĩa dự báo số phận Kiều trong câu thơ của Nguyễn Du.

c)

- Đề tài đoạn văn sẽ là: Vẻ đẹp sắc sảo mặn mà cả về tài lẫn sắc của Kiều.

- Viết đoạn văn Tổng hợp - Phân tích - Tổng hợp.

Yêu cầu:

- Có câu ghép đẳng lập.

- Phần mở đoạn giới thiệu được đề tài: Khác với Thúy Vân, Thúy Kiều mang một vẻ đẹp sắc sảo mặn mà về cả tài lẫn sắc.

Phần thân đoạn: Gồm các câu với đầy đủ dẫn chứng, lý lẽ làm rõ vẻ đẹp sắc sảo, thông minh, đa cảm của Kiều, thể hiện cụ thể ở Tài và Sắc.

- + Gọi tả vẻ đẹp của Kiều, tác giả vẫn dùng những hình tượng ước lệ “ thu thủy”(nước mùa thu), “xuân sơn” (núi mùa xuân), hoa , liễu. Nét vẽ của thi nhân thiên về gợi, tạo một ấn tượng chung về vẻ đẹp của mỗi giai nhân tuyệt thế.
 - + Được gợi tả qua đôi mắt của Kiều, bởi đôi mắt là sự thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ. Đó là một đôi mắt biết nói và có sức rung cảm trong lòng người.
 - + Hình ảnh ước lệ “làn thu thủy”- làn nước mùa thu dợn sóng gợi lên thật sống động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng long lanh, linh hoạt. Còn hình ảnh ước lệ ‘nét xuân sơn- nét núi mùa xuân gợi lên đôi lông mày thanh tú trên khuôn mặt trẻ trung.
 - + Vẻ đẹp quá hoàn mỹ và sắc sảo của Kiều có sức quyến rũ lạ lùng khiến thiên nhiên không thể dễ dàng chịu thua, chịu nhường mà phải nảy sinh lòng đố kị, ghen ghét, báo hiệu lành ít, dữ nhiều “ Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”
 - + Không chỉ mang một vẻ đẹp “ nghiêng nước, nghiêng thành”, Kiều còn là một cô gái thông minh rất mực tài hoa “ Thông minh vốn.....một trương”.
 - + Tài của Kiều đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm của thẩm mỹ phong kiến gồm cả đủ: cầm, kì, thi, họa đặc biệt nhất vẫn là tài đàn của nàng, đó là sở trường, năng khiếu (nghề riêng) vượt lên trên mọi người (ăn đứt)
 - + Đặc tả cái tài của Kiều cũng là để ca ngợi cái tâm đặc biệt của nàng. Cung đàn bạc mệnh mà Kiều tự sáng tác nghe thật da diết hồn người, ghi lại tiếng long của một trái tim đa sầu đa cảm.
 - + Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp cả sắc, tài, tình. Tác giả dùng câu thành ngữ “ nghiêng nước, nghiêng thành” để cực tả giai nhân.
 - + Chân dung Thúy Kiều cũng là chân dung mang tính cách số phận. **Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hóa phải ghen ghét, phải đố kị “ hoa ghen, liễu hờn” nên số phận nàng sẽ éo le, đau khổ.**
- => Như vậy, chỉ mấy câu thơ trong đoạn trích, Nguyễn Du không chỉ miêu tả được nhân vật mà còn dự báo được tương lai của nhân vật, không những truyền cho người đọc tình cảm yêu mến nhân vật mà truyền cả nỗi lo âu phấp phồng về tương lai số phận nhân vật.

Câu hỏi

? Hai câu thơ sau, mỗi câu nói về nhân vật nào?

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Hai cách miêu tả sắc đẹp của hai nhân vật ấy có gì giống và khác nhau? Sự khác nhau ấy có liên quan gì đến tính cách và số phận của hai nhân vật ?

Gợi ý:

- Hai câu thơ trên, câu đầu nói về Thúy Vân, câu sau nói về Thúy Kiều.

- Giống nhau: Tả nhan sắc hai nàng như vậy là Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, một bút pháp quen thuộc của thơ ca cổ điển - dùng để tả cho nhân vật chính diện - lấy cái đẹp của tự nhiên để so sánh hoặc ngầm ví với cái đẹp của nhân vật. Từ đó tôn vinh cái đẹp của nhân vật. Ta dễ dàng hình dung nhan sắc của mỗi người. Thúy Vân tóc mượt mà, óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Còn Thúy Kiều, vẻ tươi thắm của nàng đến hoa cũng phải ghen, da mịn màng đến liễu phải hờn.

- Khác nhau:

+ Tác giả miêu tả Thúy Vân một cách cụ thể từ khuôn mặt, nét mày, màu da, nước tóc, miệng cười, tiếng nói $\Rightarrow$ để khắc họa một Thúy Vân đẹp, đoan trang, phúc hậu.

+ Thúy Kiều: nêu ấn tượng tổng quát (sắc sảo, mặn mà), đặc tả đôi mắt. Miêu tả tác động vẻ đẹp của Thúy Kiều. Vẻ đẹp sắc sảo, thông minh của Thúy Kiều làm cho hoa, liễu phải hờn ghen, làm cho nước, thành phải nghiêng đổ $\Rightarrow$ tác giả miêu tả nét đẹp của Kiều là để gợi tả vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều.

- Thông điệp nghệ thuật: Qua cái đẹp ấy, tác giả còn dự báo cho số phận của mỗi người. Thúy Vân đẹp đoan trang, phúc hậu, sẽ có một số phận may mắn, hạnh phúc. Còn Thúy Kiều đẹp sắc sảo, mặn mà sẽ có số phận đầy giông tố, bất hạnh.
tả nội tâm nhân vật

Đề bài

- Chép những câu thơ miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân?
- Tìm từ Hán Việt trong đoạn thơ và giải thích nghĩa của các từ đó?
- Những hình tượng nghệ thuật nào trong đoạn thơ mang tính ước lệ khi gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân? Từ những hình tượng ấy, em cảm nhận Thúy Vân có nét riêng về nhan sắc và tính cách như thế nào?
- Nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên bằng một đoạn văn từ 8- 10 câu(sử dụng lời dẫn trực tiếp)

Gợi ý:

b) Trang trọng: thể hiện sự cao sang, quý phái, đài các.

Đoan trang: thể hiện sự nghiêm trang, đứng đắn.

c) Những hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ khi gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân: trăng, ngà, hoa, ngọc, mây, tuyết.

Những hình tượng ấy cho em thấy được vẻ đẹp và tính cách, số phận của Thúy Vân: Đó là một vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang, một vẻ đẹp hài hòa đến thiên nhiên cũng

phải chấp nhận “nhường, thua” trước vẻ đẹp ấy mà không đố kị, ghen ghét, dự báo một cuộc đời êm ả, bình lặng.

d)

* Mở đoạn: Bốn câu thơ trên trích trong văn bản “Chị em Thúy Kiều” thuộc tác phẩm “Truyện Kiều” của Nguyễn Du đã làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Vân.

* Thân đoạn:

- Vẻ đẹp của Thúy Vân được miêu tả cụ thể: khuôn mặt đầy đặn, cân đối, phúc hậu. Nghệ thuật liệt kê phối hợp với các tính từ làm toát lên vẻ đẹp phúc hậu: từ khuôn mặt, nét mày, làn da, mái tóc, nụ cười, phong thái.

- Đặc biệt nghệ thuật ẩn dụ, ước lệ và sử dụng thành ngữ dân gian “hoa cười ... trang – Mây thua ... da”. Nguyễn Du mượn vẻ đẹp của thiên nhiên để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Vân.

- Từ ngữ chọn lọc, đặc tả kết hợp với các tính từ làm toát lên vẻ đẹp lộng lẫy của Thúy Vân. Vẻ đẹp của Thúy Vân là vẻ đẹp hài hòa của thiên nhiên, tạo hóa. Thiên nhiên nhường, thua trước vẻ đẹp ấy mà không ghen ghét, đố kị, dự báo một cuộc đời bình yên, hạnh phúc.

- Bằng ngòi bút tài hoa kết hợp việc sử dụng các nghệ thuật ước lệ tượng trưng, ẩn dụ, nhân hóa, so sánh ... Nguyễn Du đã đặc tả vẻ đẹp quý phái, đài các của Thúy Vân.

* Kết đoạn: Tóm lại, chỉ bằng những câu thơ lục bát ngắn gọn, tác giả Nguyễn Du đã tái hiện bức chân dung Thúy Vân dịu dàng, trang nhã, phúc hậu, hài hoà.

B) DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đề bài: Phân tích đoạn trích Chị em Thúy Kiều để thấy tài năng miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.

1. Mở bài: Cần nêu được:

- Giới thiệu tác giả
- Giới thiệu văn bản.
- Nêu vấn đề nghị luận.

Tham khảo mở bài:

- Nguyễn Du là thiên tài văn học, danh nhân văn hóa, nhà nhân đạo chủ nghĩa, có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn học Việt Nam. *Truyện Kiều* là kiệt tác văn học, kết tinh tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du.

- Đoạn trích *Chị em Thúy Kiều* nằm ở phần đầu tác phẩm *Truyện Kiều* đã cho thấy tài năng miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.

2. Thân bài: Cần phân tích những luận điểm sau:

Luận điểm 1: Trong *Truyện Kiều*. Nguyễn Du đã rất thành công khi miêu tả nhân vật chính, nhân vật phụ, nhân vật chính diện, nhân vật phản diện. Đặc biệt miêu tả *Truyện Kiều*, Thúy Vân trong đoạn trích Chị em Thúy Kiều – nhân vật chính diện, Nguyễn Du đã sử dụng thành công bút pháp ước lệ tượng trưng.

- Khi giới thiệu vẻ đẹp chung, Nguyễn Du đã chọn hình ảnh của mai và tuyết để tả cốt cách mảnh mai, yêu điệu, tinh thần trắng trong như tuyết của hai cô gái.

- Tả Thúy Vân- ông mượn hình ảnh *mây, trăng, hoa, tuyết, ngọc* để gợi nên vẻ đẹp đài các kiêu sa, đoan trang, dịu dàng, hài hòa với cảnh sắc thiên nhiên.

- Tả Thúy Kiều, ông mượn làn nước mùa thu, dáng núi mùa xuân để gợi ra một vẻ đẹp khiến cho thiên nhiên phải ganh tị, *hoa ghen, liễu hờn*, một nhan sắc tuyệt thế giai nhân “*nghiêng nước nghiêng thành*” có một không hai.

Như vậy, mượn những hình ảnh ước lệ, tượng trưng. Nguyễn Du miêu tả được vẻ đẹp hoàn mỹ “mười phen vẹn mười” của các nhân vật.

Luận điểm 2: *Tài năng của Nguyễn Du còn thể hiện ở khả năng cá biệt hóa khi miêu tả chân dung hai cô gái.*

- Cá biệt hóa trong cách thức miêu tả.

- + Tả Vân, Nguyễn Du sử dụng nhiều chi tiết cụ thể : khuôn mặt, nét mày, nụ cười, giọng nói, làn da, mái tóc....

- + Tả Thúy Kiều, ông chỉ đặc tả một đôi mắt, chủ yếu tả theo hướng đánh giá khái quát bằng cách nói dân gian: *Sắc sảo mặn mà, nghiêng nước nghiêng thành..*

Với hai cách thức miêu tả khác nhau, Kiều và Vân tuy cùng “*Mười phen vẹn mười*”, nhưng ở mỗi cô gái lại có một vẻ riêng khác nhau.

- Cá biệt hóa trong cách so sánh tăng cấp: trong truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Kiều được miêu tả trước Vân. Trong đoạn thơ này, Nguyễn Du sáng tạo, tả vẻ đẹp của Thúy Vân trước để người đọc yêu mến và ấn tượng về vẻ đẹp của Thúy Vân. Sau đó lấy vẻ đẹp của Vân để làm nền để tôn lên vẻ đẹp của Thúy Kiều- nhân vật chính trong truyện.

- Cá biệt hóa trong việc miêu tả chân dung gắn với dự cảm về số phận nhân vật: khi miêu tả nhân vật, Nguyễn Du không chỉ ca ngợi vẻ đẹp hình thức, phẩm chất tâm hồn của Kiều và Vân mà còn dự báo được số phận của nhân vật với một thái độ trân trọng yêu thương,...

3. Kết luận

- Thông qua đoạn trích *Chị em Thúy Kiều*, Nguyễn Du đã thể hiện tài năng bậc thầy trong nghệ thuật miêu tả.

- Tác giả thể hiện thái độ trân trọng, đề cao vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội trong phong kiến nói riêng và đối với con người nói chung.

VĂN BẢN: CẢNH NGÀY XUÂN
(Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

I- KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Vị trí đoạn trích: Nằm ở phần đầu *Truyện Kiều*, phần Gặp gỡ và đính ước. Sau đoạn tả tài sắc chị em Thúy Kiều.

2. Bố cục: Ba phần

- Phần 1: Bốn câu đầu: Cảnh thiên nhiên ngày xuân

- Phần hai: 8 câu thơ tiếp: Cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.

- Phần ba: Sáu câu cuối: Cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về.

3. Nghệ thuật, nội dung

Nghệ thuật:

- Tài sử dụng ngôn ngữ bậc thầy: hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm

- Bút pháp tả cảnh ngụ tình đạt đến mức độ điêu luyện

- Biên pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ... đạt đến độ nhuần nhuyễn

Nội dung: Đoạn trích miêu tả bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng của tiết Thanh Minh và cảnh du xuân của chị em Thúy Kiều.

II, Đọc- hiểu văn bản

1, Cảnh thiên nhiên ngày xuân(bốn câu đầu)	. Không gian và thời gian của khung cảnh thiên nhiên ngày xuân được Nguyễn Du phác họa ở ngay hai câu thơ đầu: “Ngày xuân con én đưa thoi, Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi” -Tác giả lựa chọn một hình ảnh ẩn dụ rất quen thuộc cho cảnh ngày xuân: “con én đưa thoi”. + Tả thực những cánh én bay lượn, chao liệng như thoi đưa trên bầu trời xuân. + Gợi không gian cao rộng của bầu trời và một luồng không khí ấm áp + Gợi những bước đi nhanh, vội của thời gian như những cánh chim vút bay. “Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi. + Từ “thiều quang” tả thực những tia nắng lấp lánh của ngày xuân. + Gợi một không gian ngày xuân tươi đẹp, rực rỡ, trong lành. + Gợi thời điểm vào tháng ba đầu mùa xuân, tháng mà thiên nhiên đạt đến độ viên mãn nhất, rực rỡ nhất -> Những hình ảnh thơ gợi về sự chuyển động nhanh, vội của thời gian đồng thời nói lên tâm trạng có chút tiếc nuối của chị em Thúy Kiều.
--	--

	Nguyễn Du đã phác họa một bức tranh thiên nhiên của một ngày xuân tươi đẹp và tràn đầy sức sống. Qua đó, đã gợi được bao nỗi niềm, tâm trạng của nhân vật trữ tình . Hai câu thơ tiếp theo, Nguyễn Du đã tái hiện một bức tranh mùa xuân tuyệt đẹp với hai gam màu chủ đạo là xanh, trắng: “Cỏ non xanh tận chân trời, Cành lê trắng điểm một vài bông hoa” - Chỉ cần đơn giản là hình ảnh “cỏ non” song lại tả, gợi được rất nhiều bức tranh xuân: + Tả một không gian mênh mông một màu xanh non của cỏ. +Gợi chung ta liên tưởng đến sức sống tràn trề của mùa xuân như được mở rộng bao la, bát ngát. - Hình ảnh “cành lê trắng”cho thấy sự tài tình trong bút pháp chấm phá của Nguyễn Du. + Từ “tận” đã làm cho không gian xuân như được mở rộng, bao la, bát ngát. - Hình ảnh “cành lê trắng điểm” cho thấy sự tài tình trong bút pháp chấm phá của Nguyễn Du: + Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng làm cho không gian như thoáng đạt, nhẹ nhàng và thanh khiết hơn + Từ “điểm” gợi sự thanh thoát như đôi bàn tay của người họa sĩ, khiến cảnh vật như sống động, có hồn chứ không tĩnh tại + Tác giả sử dụng biện pháp đảo ngữ: đảo từ “trắng” lên trước làm cho sắc trắng hoa lê thêm tinh khôi, như kết tinh những tinh hoa của trời đất. -Trong bức tranh xuân ấy, tác giả đã sử dụng những gam màu hòa phối rất đối hời hòa: màu xanh của cỏ, sắc trắng hoa lê. => Với bút pháp chấm hóa tài tình, Nguyễn Du đã rất thành công khi phác họa một bức tranh ngày xuân thoáng đạt, tinh khôi, trong trẻo và tràn trề sức sống. Đồng thời, qua đó còn gợi lên được bao cảm xúc tươi vui, phấn chấn cũng như chút bang khuâng, tiếc nuối trong lòng nhân vật trữ tình.
--	--

2, Khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh (tám câu tiếp)	a, Những hoạt động trong tiết thanh minh (hai câu thơ đầu) Hai câu thơ đầu giới thiệu những hoạt động trong tiết thanh minh cho thấy Nguyễn Du xứng đáng là bậc thầy về nghệ thuật sử dụng ngôn từ “Thanh minh trong tiết tháng ba, Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh” - Sử dụng nghệ thuật tiểu đối: Tách hai từ “lễ hội” ra làm đôi để gọi tả hai hoạt động diễn ra cùng một lúc trong tiết thanh minh: + “Lễ tảo mộ”: Đi viếng và sửa sang phần mộ của người thân, gia đình, tổ tiên. Gợi sự tri ân của những nam thanh, nữ tú trong ngày đi chơi xuân + “Hội đạp thanh”: Đi chơi xuân ở chốn đồng quê và giẫm lên cỏ xanh. Gợi ngày hội vui xuân của nam thanh nữ tú để có thể tìm đến những sợi tơ hồng mai sau. -> “Lễ” và “hội” trong tiết thanh minh là hai hoạt động văn hóa khác biệt, nhưng trong thơ Nguyễn Du lại có một sự giao hòa độc đáo.
---	--

b, Không khí của ngày hội xuân (sáu câu thơ tiếp)

. Không khí tung bừng, tấp nập của lễ hội được gợi lên qua hàng loạt từ hai âm tiết giàu sắc thái biểu cảm:

“Gần xa nô nức yến thanh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.”

- Các danh từ: “yến anh”, “chị em”, “tài tử”, “giai nhân” gợi tả sự đông vui, tấp nập trong ngày hội xuân.

- Các động từ: “sắm sửa”, “dập dìu” gợi tả không khí rộn ràng, náo nhiệt trong ngày hội

- Các tính từ: “gần xa”, “nô nức” gợi tả tâm trạng hồ hởi, phấn khởi của người đi hội.

. Không khí lễ hội được tô đậm hơn qua một số biện pháp tu từ:

- Hình ảnh ẩn dụ: “nô nức yến anh”

+ Gợi từng đoàn người đi chơi xuân, đông đúc, dập dìu như những bầy chim yến, chim oanh ríu rít

+ Gợi những cuộc trò chuyện xôn xao, tình tứ của những đôi uyên ương trong ngày hội xuân

- Hình ảnh so sánh: “ngựa xe như nước, áo quần như nêm” gợi cho người đọc hình dung được sự đông đúc của từng dòng người đi trẩy hội.

. Bên cạnh không khí tung bừng, náo nhiệt ấy, Nguyễn Du đã khéo léo đan cài một khoảng lặng, khiến cho không gian cũng như tâm trạng con người như trùng xuống:

“Ngôn ngang gò đồng kéo lên,
Thoi vàng vo trắc tro tiền giấy bay.”

- Hình ảnh “ngôn ngang gò đồng”, “tro tiền giấy bay” gợi không gian tĩnh lặng, lạnh lẽo, linh thiêng. Và trong không gian ấy, có sự xuất hiện của những nam thanh, nữ tú đang sắm sửa, rắc vàng vó, hóa tiền giấy cho những người đã khuất.

- Gợi truyền thống văn hóa, đạo lý “uống nước nhớ nguồn” tốt đẹp của người Việt. Một lối sống ân nghĩa thủy chung.

=> **Thông qua buổi du xuân của hai chị em Thúy Kiều, có thể khẳng định: Nguyễn Du là người am hiểu, trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.**

3, Khung cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về (sáu câu thơ cuối)	Thời gian không ngừng chuyển động, mọi cuộc vui đã đến hồi kết thúc, hai chị em Kiều trở về trên một nền chiều xuân thật đẹp, thanh khiết song đã nhuốm màu tâm trạng: “Tà tà bóng ngả về tây, Chị em thơ thẩn dưng tay ra về. Bước lần theo ngọn tiểu khê, Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh. Nao nao dòng nước uốn quanh, Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.” -Mọi chuyển động đều nhẹ nhàng: mặt trời từ từ khuất bóng, bước chân thơ thẩn, dòng nước uốn quanh. -Hình ảnh “tà tà bóng ngả về tây”: + Diễn tả cảnh mặt trời đang lặn, ánh nắng cuối ngày đang tắt dần, không gian dần mờ tối + Gợi không gian buồn vắng, tĩnh lặng + Gợi tâm trạng bàng khuâng tiếc nuối trong lòng con người. -Hình ảnh “tiểu khê”, “cầu nho nhỏ” gợi khung cảnh nhỏ bé, thân thuộc, không còn mệnh mông, thoáng đạt -Hệ thống từ láy được trải đều ở các câu thơ rất giàu giá trị biểu cảm: “tà tà”, “thơ thẩn”, “nho nhỏ”, “thanh thanh”, “nao nao” + Từ láy “thơ thẩn” gợi cảnh chị em Thúy Kiều ra về trong sự bần thần, nuối tiếc, lặng buồn + Đặc biệt, từ láy “nao nao” gợi nét buồn rất khó tả, thể hiện tâm trạng con người như nhuốm lên cảnh vật. -> Cảnh vật như có linh hồn, phẳng phất một nỗi u buồn và mang một vẻ đẹp riêng: xinh xắn và rất đời tảo nhả của cảnh vật. Đoạn thơ không chỉ hay bởi Nguyễn Du đã sử dụng thành công những biện pháp nghệ thuật, hệ thống từ láy mà còn bởi cái tài tình trong bút pháp cổ điển: tả cảnh ngụ tình.
--	---

III- ĐỀ BÀI LUYỆN TẬP

A) DẠNG ĐỀ ĐỌC- HIỂU

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Chép chính xác bốn câu thơ đầu của bài “ Cảnh ngày xuân” (Nguyễn Du) và trả lời câu hỏi:

1. Nêu nội dung chính của đoạn thơ em vừa chép?
2. Tìm từ Hán Việt, giải nghĩa.
3. Giải thích nghĩa của từ “tận” và tìm từ khác có nghĩa giống từ “tận”. Theo em có thể thay những từ em vừa tìm được cho từ “tận” được không?
4. Cảnh vật được gọi tả ở thời gian nào? Em dựa vào câu thơ nào để biết điều đó?
5. Bức tranh mùa xuân được vẽ lên bằng những hình ảnh nào? Nêu cảm nhận của em về bức tranh đó bằng một đoạn văn từ 9 – 12 câu. Trong đó có sử dụng câu ghép, phân tích cấu tạo ngữ pháp.

GỢI Ý:

1. Nêu nội dung chính của đoạn thơ : Đoạn thơ miêu tả bức tranh thiên nhiên mùa xuân.
 2. Từ Hán Việt “Thiều quang”: ánh sáng đẹp, tức là nói ánh sáng mùa xuân.
 3.
 - Từ “tận”: bao la, rộng lớn, mênh mông không rõ điểm dừng.
 - Nghĩa tương tự: tit, mãi, xa, ...
 - Không thể thay thế những từ trên bằng từ “tận” vì từ “tận” có sức gợi tả, tạo cảm giác mênh mông, rộng lớn hơn những từ kia.
 4. Cảnh vật được gọi tả là cảnh tháng ba, mùa xuân, căn cứ vào câu thơ: “ Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.” Mùa xuân có 90 ngày, đã hơn sáu mươi ngày trôi qua, nghĩa là đã sang tháng ba.
 5. Bức tranh mùa xuân được vẽ lên bằng những hình ảnh:
 - Hình ảnh những cánh én chao liệng đầy trời, rộn ràng như thoi đưa(con én đưa thoi) gợi thời gian trôi chảy, gợi ra không gian cao rộng của bầu trời và không khí ấm áp của mùa xuân.
 - Hình ảnh “ thiều quang” gợi một không gian tươi sáng, đầy nắng ấm.
 - Hình ảnh “ cỏ non” vẽ ra một không gian khoáng đạt, tràn ngập sắc xanh, gợi sự tươi mới và sức sống dạt dào của mùa xuân.
 - Hình ảnh “ cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa” gợi một mùa xuân trong trẻo, dịu dàng, thanh khiết.
- > Đó là một bức tranh xuân trong trẻo, tươi sáng, ấm áp, thanh tân, tràn đầy sức sống. Nêu cảm nhận của em về bức tranh đó bằng một đoạn văn từ 9 – 12 câu. Trong đó có sử dụng câu ghép, phân tích cấu tạo ngữ pháp.

* **Mở đoạn:** Bốn câu thơ trên trích trong văn bản “Cảnh ngày xuân” thuộc tác phẩm “Truyện Kiều” của Nguyễn Du đã khắc họa cảnh mùa xuân tươi đẹp.

* **Thân đoạn:**

- Thời gian và không gian mùa xuân được diễn tả rất hay “Ngày xuân ... sáu mươi”.

- Cánh én chao liệng gợi không gian bầu trời mùa xuân rộng lớn, bao la, có cảm giác về sự trôi qua rất nhanh của thời gian. Hình ảnh nhân hóa kết hợp ẩn dụ “con én đưa thoi” đã thể hiện rõ điều đó.

- “Thiều quang” là chỉ ánh sáng mùa xuân tươi đẹp, ấm áp của chín chục ngày xuân mà nay đã ngoài sáu mươi ngày tức là thời gian đã vào cuối xuân. Điều đó cho thấy sự nuối tiếc về thời gian của nhà thơ.

- Bức họa tuyệt đẹp của mùa xuân được đặc tả ở hai câu thơ “Cỏ non ... bông hoa”.

- **Cỏ non/ không chỉ gợi màu xanh non mềm mại, ngọt ngào mà nó /còn gợi sức sống mãnh liệt của đồng cỏ, đồng thời tượng trưng cho sức sống mãnh liệt của mùa xuân.** Đặc biệt từ “tận” cho thấy được thảm cỏ bao la, rộng lớn, ngút ngàn tới chân trời.

- Nhà thơ đã sử dụng hiện tượng đảo ngữ “trắng diễm” vừa tả được sự tinh khôi, trong trẻo, vừa làm cho cảnh vật trở nên sinh động. Hơn nữa từ “diễm” làm cho cảnh vật trở nên có hồn, sống động.

* **Kết đoạn:** Khẳng định lại nghệ thuật và nội dung của đoạn thơ .

Với tài năng của mình bằng việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật, các từ ngữ có sức gợi tả lớn, Nguyễn Du đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên mùa xuân đầy sức sống với không gian cao rộng, tươi đẹp.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc những câu thơ sau và trả lời câu hỏi:

Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh
Gần xa nô nức yến anh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Đập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nêm
Ngổn ngang gò đồng kéo lên
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay(Cảnh ngày xuân)

Câu 1: Liệt kê các từ láy, từ ghép trong đoạn thơ. Những từ ấy gợi lên không khí và hoạt động của lễ hội như thế nào?

Câu 2: Tìm ít nhất 2 từ Hán Việt trong đoạn thơ và giải nghĩa?

Câu 3: Nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong 4 câu thơ:

Gần xa nô nức yến anh

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân

Đập dìu tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước áo quần như nêm

Câu 5: Từ lễ hội du xuân trong đoạn thơ, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về lễ hội mùa xuân hiện nay, bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ?

Gợi ý:

Câu 1: Các từ láy: “nô nức, đập dìu, ngổn ngang”; các từ ghép: “thanh minh, gần xa, yến anh, chị em, sắm sửa, bộ hành, tài tử, giai nhân, ngựa xe, quần áo, vàng vó”. Những từ ấy gợi lên sự đông vui, tấp nập của lễ hội và tâm trạng náo nức, rộn ràng của những người đi hội.

Câu 2: Từ Hán Việt:

- Tài tử: những người con trai có tài, giỏi giang.

- Giai nhân: những người con gái đẹp, có địa vị.

Câu 3: Hai câu thơ: “Gần xa nô nức yến anh

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân”

Sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ và đảo ngữ

- “Yến anh” là hình ảnh ẩn dụ chỉ từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân như chim én, chim oanh bay ríu rít, qua đó gợi tả không khí đông vui, nhộn nhịp của lễ hội ngày xuân.

- Từ láy “nô nức” được đảo lên trước “yến anh” nhấn mạnh tâm trạng rộn ràng, náo nức của những người đi trải hội.

- Hai câu thơ: Đập dìu tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước áo quần như nêm

Đã sử dụng phép tu từ hoán dụ, đảo ngữ và so sánh. “Áo quần” là hình ảnh hoán dụ chỉ con người. Từ láy “đập dìu” được đảo lên trước “tài tử giai nhân” cùng hai hình ảnh so sánh “ngựa xe như nước”, “áo quần như nêm” đã gợi tả không khí đông vui, nhộn nhịp của lễ hội: người và xe qua lại không ngớt.

Câu 4: Từ lễ hội du xuân trong đoạn thơ, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về lễ hội mùa xuân hiện nay, bằng một đoạn văn khoảng 300 chữ?

1. Mở đoạn: Nằm ở phần đầu *Truyện Kiều*, *phần gặp gỡ và đính ước*, đoạn trích *cảnh ngày xuân* của Nguyễn Du đã miêu tả bức tranh thiên nhiên và lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng của tiết thanh minh; qua đó, người đọc cảm nhận được nét đẹp đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, nét đẹp ấy vẫn còn lại cho đến ngày hôm nay.

2. Thân đoạn

a) *Lễ hội mùa xuân trong thơ Nguyễn Du*

- Những câu thơ đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã mở ra một không gian nền tuyệt đẹp của mùa xuân, để nổi lên không khí của lễ hội mùa xuân.

- Lễ hội Thanh minh diễn ra trong tháng ba, có.

+ Lễ tảo mộ: đi viếng mộ, đốt nhang, biếu tiền vàng cho người thân đã khuất để thể hiện tình cảm của người đang sống luôn nhớ tới người đã khuất. Đây là nét đẹp tâm linh của người Việt.

+ Hội đạp thanh: Du xuân trên đồng cỏ xanh để ngắm cảnh:

- Không khí của lễ hội: đông vui, tưng bừng, náo nức như đàn chim yến, chim oanh.

- Người đi lễ hội: trên con đường nhộn nhịp, ngựa xe như nước chảy, người đi lễ hội là những chàng trai, cô gái đẹp. Trong đó có cả chị em Thúy Kiều.

Bằng một loạt các từ láy, từ ghép hai âm tiết là danh từ, động từ, tính từ ở mức độ dày đặc, kết hợp với nghệ thuật ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, nhà thơ đã làm sống dậy không khí lễ hội du xuân. Đó là nét đẹp truyền thống văn hóa lễ hội của người Việt.

b) *Suy nghĩ về lễ hội mùa xuân hôm nay*

Từ không khí lễ hội du xuân trong thơ Nguyễn Du gợi cho chúng ta suy nghĩ về lễ hội mùa xuân hôm nay.

- Lễ hội mùa xuân hôm nay vẫn tiếp nối những nét đẹp truyền thống từ xa xưa:

+ Thời gian lễ hội : Ba tháng mùa xuân.

+ Lễ hội diễn ra ở cả ba miền: Nơi nào cũng có những lễ hội đặc sắc tiêu biểu: lễ hội Yên Tử ở Quảng Ninh, lễ hội Chùa Hương ở Hà Nội, lễ Cầu Ngư của những người dân vùng biển miền Trung, Miền Nam,...

+ Người đi lễ hội không chỉ du xuân ngắm cảnh đẹp mà còn cầu mong cho cuộc sống an vui, tốt lành.

+ Ngày nay, trong tiết Thanh minh chúng ta vẫn đi viếng mộ, đốt nhang, tiền vàng cho người thân đã khuất. Điều này thể hiện truyền thống thờ cúng tổ tiên.

- Tuy nhiên, trong xã hội hiện nay cũng xuất hiện một số mặt trái.

+ Một số tệ nạn : mê tín dị đoan, lợi dụng lễ hội để phục vụ lợi ích cá nhân,...

- Người đi lễ hội nhiều khi có hành động thiếu văn hóa: cướp lộc, chen lấn xô đẩy, ăn mặc phản cảm, vứt rác bừa bãi,...

- Bài học: Trân trọng giữ gìn và phát huy những nét đẹp văn hóa dân tộc qua những lễ hội mùa xuân nói riêng và lễ hội nói chung.

3. Kết đoạn: Tóm lại, bằng nghệ thuật tả cảnh tài hoa, tình yêu thiên nhiên, lòng thiết tha với những nét đẹp văn hóa dân tộc, Nguyễn Du đã gợi lại cảnh lễ hội mùa xuân tươi đẹp, cuốn hút, ông đã làm sống lại những giá trị văn hóa dân tộc trong những lễ hội mùa xuân hôm nay.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Cho câu thơ “**Tà tà bóng ngả về tây**”

1. Chép tiếp các câu thơ còn lại của bài
2. Nêu ngắn gọn nội dung của đoạn thơ đó.
3. Chúng ta đều biết “nao nao” là từ láy diễn tả tâm trạng con người vậy mà Nguyễn Du lại viết “Nao nao dòng nước uốn quanh”. Cách dùng từ như vậy mang lại ý nghĩa như thế nào cho câu thơ?
4. Tâm trạng của con người được miêu tả bằng bút pháp nghệ thuật nào? Nêu nhận xét của em về những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích “| Cảnh ngày xuân”.
5. Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên, có sử dụng thành phần biệt lập và một phép liên kết câu(gạch chân)?

GỢI Ý:

1.

Tà tà bóng ngả về tây

Chị em thơ thẩn đang tay ra về

Bước dần theo ngọn tiểu khê

Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh

Nao nao dòng nước uốn quanh

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang(**Cảnh ngày xuân**)

2. Tả cảnh chị em Thuý Kiều khi du xuân trở về.

3. Từ “nao nao” là từ láy diễn tả tâm trạng con người nhưng Nguyễn Du đã sử dụng cho việc diễn tả cảnh vật. Điều này cho thấy cảnh đã được nhân hóa một cách tự nhiên

và nhuộm màu tâm trạng của con người. Cảm giác một ngày vui đang còn mà đã linh cảm một điều gì đó không bình thường sắp xuất hiện, những dự báo về cảnh và người sẽ gặp: nấm mộ Đạm Tiên và chàng Kim Trọng.

4. Tâm trạng của con người được miêu tả bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Cảnh hoàng hôn với dòng nước, nhịp cầu nhỏ nhỏ, khung cảnh “ thanh thanh” gợi buồn, như thấm cả những suy tư của con người. Nguyễn Du đã mượn cảnh vật để khám phá những rung động tinh tế trong tâm hồn người.

Những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích “ Cảnh ngày xuân”: từ ngữ giàu chất tạo hình, sử dụng hiệu quả bút pháp chấm phá, điểm xuyết, tả cảnh ngụ tình và các biện pháp tu từ so sánh, đảo ngữ.

5. Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên, có sử dụng thành phần biệt lập và một phép liên kết câu(gạch chân)?

* **Mở đoạn:** Đoạn thơ trích trong văn bản “Cảnh ngày xuân” nằm ở phần đầu *Truyện Kiều*, phần gặp gỡ và đính ước, của Nguyễn Du đã miêu tả cảnh du xuân trở về của chị em Thúy Kiều.

* **Thân đoạn:**

- Cảnh vẫn mang cái nét thanh tao, trong trẻo của mùa xuân, rất êm dịu. Ánh nắng nhạt, khe nước nhỏ, nhịp cầu nhỏ nhỏ bắc ngang. Mọi cử động đều rất nhẹ nhàng: mặt trời từ từ ngả bóng về tây, bước chân người thơ thẩn, dòng nước uốn quanh. Một bức tranh thật đẹp, thanh khiết.

- Cảnh đã có sự thay đổi về thời gian, không gian, không còn bát ngát, trong sáng, không còn cái không khí đông vui, náo nhiệt của lễ hội, tất cả đang nhạt dần, lam dần.

- Cảnh được cảm nhận qua tâm trạng. Những từ láy “tà tà, thanh thanh, nao nao” không chỉ biểu đạt sắc thái cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng con người. Đặc biệt hai chữ “nao nao” đã nhuộm màu tâm trạng lên cảnh vật. Từ “thơ thẩn” có sức gợi tả rất lớn, chị em Thúy Kiều ra về trong buồn thẩn, nuối tiếc.

- “Dan tay” tưởng là vui nhưng thực ra là chia sẻ nỗi buồn không thể nói hết. Cảm giác băng khuâng, xao xuyến về một ngày du xuân đã hé mở vẻ đẹp của một tâm hồn thiếu nữ thiết tha với niềm vui cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng.

- Đoạn thơ hay bởi sử dụng các bút pháp cổ điển, tả cảnh gắn với tả tình, tả cảnh ngụ tình.

* **Kết đoạn:** Tóm lại, bằng nghệ thuật tả cảnh tài hoa, tình yêu thiên nhiên, lòng thiết tha với những nét đẹp văn hóa dân tộc, Nguyễn Du đã thể hiện thành công tâm trạng của hai chị em Thúy Kiều khi du xuân trở về.

B) DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đề : Phân tích nghệ thuật tả cảnh, tả người của Nguyễn Du trong Truyện Kiều.

1. Mở bài1. **Mở bài:** Cần nêu được:

- Giới thiệu tác giả
- Giới thiệu văn bản.
- Nêu vấn đề nghị luận.

Tham khảo mở bài:

- Truyện Kiều được đánh giá là tác phẩm đạt tới đỉnh cao về nội dung và nghệ thuật.

- Điều đó chứng tỏ tài năng sáng tạo nghệ thuật và cái tâm của một nghệ sĩ, một nhà văn hóa lớn của dân tộc. Nguyễn Du. Nghệ thuật tả cảnh, tả người trong *Truyện Kiều* được xem là đặc sắc nhất.

2. Thân bài

a) Bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du trong Truyện Kiều

- Sử dụng bút pháp truyền thống trong văn chương cổ điển, bút pháp ước lệ chấm phá gợi tả hoặc tả cảnh ngụ tình.

- Tả cảnh để làm nổi bật tâm trạng nhân vật, thông qua tả cảnh để miêu tả tâm lí nhân vật. Dẫn chứng: tâm trạng náo nức xốn xang của người đi dự lễ hội du xuân, cảnh Thúc Sinh từ biệt Thúy Kiều, cảnh Kiều ở lầu Ngưng Bích,...

- Trong khi tả cảnh thiên nhiên, Nguyễn Du đã tạo ra những bức tranh thiên nhiên tuyệt mỹ bằng ngôn ngữ thơ ca. Điều đó cho thấy khả năng nghệ thuật và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống của Nguyễn Du. Dẫn chứng: *Cảnh ngày xuân*, Kiều ở Lầu Ngưng Bích,...

b) Bút pháp tả người của Nguyễn Du trong Truyện Kiều

- Sử dụng bút pháp tả thực và ước lệ :

+ Tả thực: Dùng cho loại nhân vật phản diện như : Mã Giám Sinh, Tú Bà, Hồ Tôn Hiến,...

+ Ước lệ : thường dùng đối với các nhân vật chính diện như : Thúy Kiều, Thúy Vân, Kim Trọng, Từ Hải,...

- Trong khi tả người, nhà thơ đã thể hiện yêu ghét rạch ròi, phân minh:

+ Ghét cái xấu, cái ác, khinh bỉ cái tầm thường, vô đạo; khinh bỉ khi miêu tả diện mạo trai lơ và bản chất con buôn, vô học của Mã Giám Sinh; ghe tởm Tú Bà nanh nọc, độc ác; vạch trần Sở Khanh trơ trẽn, lừa lọc; chê trách Hoạn Thư xảo trá, nham hiểm,...

+ Trân trọng, yêu mến cái đẹp, người tài: dùng những ngôn từ đẹp đẽ nhất để ca ngợi tài sắc chị em Thúy Kiều, cảm phục Từ Hải,...

- Nhà thơ đã tạo ra những điển hình văn học có tính khái quát cao, có sức sống muôn đời: Thúy Kiều, Thúy Vân, Từ Hải, Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hoạn Thư,...

3) Kết bài

- Truyện Kiều đã thể hiện tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du
- Tài năng nghệ thuật Nguyễn Du có cơ sở từ sự tiếp thu những tinh hoa trong văn chương cổ điển, văn hóa dân gian và khả năng sáng tạo của nhà thơ, hơn hết là xuất phát từ cái tâm của một nghệ sĩ lớn đối với con người và cuộc sống.

C) DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Đề 1 : Trong cảnh ngày xuân (Truyện Kiều) của Nguyễn Du đã làm tái hiện lại không khí lễ hội du xuân qua đoạn thơ sau:

*... Thanh minh trong tết tháng ba,
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.
Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm,
Ngổn ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay...*

Từ lễ hội du xuân ở thế kỉ XIX, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về lễ hội mùa xuân hiện nay.

1. Mở bài

- Nguyễn Du là nhà thơ lớn của dân tộc, một danh nhân văn hóa thế giới. *Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du* cũng như của văn học Việt Nam.

- Nằm ở phần đầu *Truyện Kiều*, *phần gặp gỡ và đính ước*, đoạn trích *cảnh ngày xuân* đã miêu tả bức tranh thiên nhiên và lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng của tiết Thanh minh. Qua đó, người đọc cảm nhận được nét đẹp đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Nét đẹp ấy vẫn còn lại cho đến ngày hôm nay.

2. Thân bài

a) *Lễ hội mùa xuân trong thơ Nguyễn Du*

- Những câu thơ đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã mở ra một không gian nền tuyệt đẹp của mùa xuân, để nổi lên không khí của lễ hội mùa xuân.

- Lễ hội Thanh minh diễn ra trong tháng ba, có.

+ Lễ tảo mộ: đi viếng mộ, đốt nhang, biếu tiền vàng cho người thân đã khuất để thể hiện tình cảm của người đang sống luôn nhớ tới người đã khuất. Đây là nét đẹp tâm linh của người Việt.

+ Hội đạp thanh: Du xuân trên đồng cỏ xanh để ngắm cảnh:

- Không khí của lễ hội: đông vui, tưng bừng, náo nức như đàn chim yến, chim oanh.

- Người đi lễ hội: trên con đường nhộn nhịp, ngựa xe như nước chảy, người đi lễ hội là những chàng trai, cô gái đẹp. Trong đó có cả chị em Thúy Kiều.

Bằng một loạt các từ láy, từ ghép hai âm tiết là danh từ, động từ, tính từ ở mức độ dày đặc, kết hợp với nghệ thuật ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, nhà thơ đã làm sống dậy không khí lễ hội du xuân. Đó là nét đẹp truyền thống văn hóa lễ hội của người Việt.

b) Suy nghĩ về lễ hội mùa xuân hôm nay

Từ không khí lễ hội du xuân trong thơ Nguyễn Duy gợi cho chúng ta suy nghĩ về lễ hội mùa xuân hôm nay.

- Lễ hội mùa xuân hôm nay vẫn tiếp nối những nét đẹp truyền thống từ xa xưa:

+ Thời gian lễ hội : Ba háng mùa xuân.

+ Lễ hội diễn ra ở cả ba miền: Nơi nào cũng có những lễ hội đặc sắc tiêu biểu: lễ hội Yên Tử ở Quảng Ninh, lễ hội Chùa Hương ở Hà Nội, lễ Cầu Ngư của những người dân vùng biển miền Trung, Miền Nam,...

+ Người đi lễ hội không chỉ du xuân ngắm cảnh đẹp mà còn cầu mong cho cuộc sống an vui, tốt lành.

+ Ngày nay, trong tiết Thanh minh chúng ta vẫn đi viếng mộ, đốt nhang, tiền vàng cho người thân đã khuất. Điều này thể hiện truyền thống thờ cúng tổ tiên.

- Tuy nhiên, trong xã hội hiện nay cũng xuất hiện một số mặt trái.

+ Một số tệ nạn : mê tín dị đoan, lợi dụng lễ hội để phục vụ lợi ích cá nhân,...

- Người đi lễ hội nhiều khi có hành động thiếu văn hóa: cướp lộc, chen lấn xô đẩy, ăn mặc phản cảm, vứt rác bừa bãi,...

- Bài học: Trân trọng giữ gìn và phát huy những nét đẹp văn hóa dân tộc qua những lễ hội mùa xuân nói riêng và lễ hội nói chung.

3. Kết luận

- Bằng nghệ thuật tả cảnh tài hoa, tình yêu thiên nhiên, lòng thiết tha với những nét đẹp văn hóa dân tộc. Nguyễn Du đã gợi lại cảnh lễ hội mùa xuân tươi đẹp, cuốn hút.

- Ôn lại cái cũ để hiểu hơn cái mới đang diễn ra hôm nay, chúng ta càng phải trân trọng những giá trị tốt đẹp mà người xưa truyền lại, đi tìm về cội nguồn, làm sống lại những giá trị văn hóa dân tộc trong những lễ hội mùa xuân hôm nay.

Đề : Ngày nay, rất nhiều bạn trẻ mãi mê chạy theo văn hóa nước ngoài mà thờ ơ, lãng quên các phong tục, tập quán truyền thống. Từ hiện tượng đó, em hãy viết bài văn với chủ đề: **“Giới trẻ và văn hóa truyền thống”**.

Gợi ý

thích

1.Đặt Từ ngàn xưa, cha ông ta đã xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc. Là thế hệ sau, chúng ta phải có trách nhiệm giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc đó. Tuy nhiên, hiện nay, thái độ, cách ứng xử của giới trẻ với văn hóa truyền thống bên cạnh mặt tích cực vẫn đang tồn tại nhiều nhược

2. Giải - **“Văn hóa truyền thống”** là **những phong tục, tập quán, những giá trị tinh thần tốt đẹp** được hình thành, phát triển và lưu giữ từ ngàn đời xưa đến nay. Nó đã ăn sâu vào trong tiềm thức, trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam.

- Ví dụ: phong tục thờ cúng ông bà, tổ tiên; trên kính dưới nhường; ngày Tết làm bánh chưng; hay các làn điệu dân ca quan họ, hát ru...

- Văn hóa truyền thống là bản sắc riêng của đất nước ta, là yếu tố khẳng định độc lập chủ quyền...Bởi vậy, chúng ta cần giữ gìn, bảo tồn.

trạng

3. Thực * Mặt tích cực:

Nhiều bạn trẻ am hiểu, **tích cực giữ gìn văn hóa truyền thống**. Họ sống và làm theo phong tục của người Việt. Họ **yêu tiếng Việt**, say mê học nhạc cụ dân tộc. Họ **quảng bá hình ảnh văn hóa Việt Nam ra thế giới...**

(Dẫn chứng: Trong cuộc thi Miss Universer hoa hậu H’Hen Niece đã mang trang phục truyền thống là hình ảnh chiếc bánh mì Việt Nam để giới thiệu với bạn bè quốc tế...Hay là tổ chức My Hanoi, tổ chức những trò chơi truyền thống như kéo dây, ô ăn quan...tạo sân chơi bổ ích cho các bạn trẻ mỗi tối cuối tuần khi đến phố đi bộ Hà Nội)

* Mặt tiêu cực:

+ Nhiều bạn trẻ **sùng ngoại**, từ lời nói, ăn mặc đến phong cách sinh hoạt đều học tập văn hóa nước ngoài.

+ Nhiều bạn trẻ **thích nhạc điện tử, thuộc nhiều bài hát quốc tế** nhưng khi được hỏi về các bài hát dân ca, câu ca dao tục ngữ, các **loại hình nghệ thuật truyền thống** thì **không hề biết**.

+ **Tết cổ truyền**, các bạn chỉ thích đi du lịch nước ngoài, **không muốn ăn Tết ở trong nước**. Thậm chí, nhiều bạn không biết đến bánh chưng, không thích đi chúc Tết.

+ Các bạn **quay lưng** lại với các **tác phẩm văn học của dân tộc**.

nhân 4.Nguyên - Do **cuộc sống hiện đại, xu thế hội nhập** nên các bạn trẻ được tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

- Do các bạn trẻ luôn **thích và tìm tòi những điều mới mẻ**.

- Do gia đình, nhà trường và xã hội **chưa** có những hành động thiết thực để **giáo dục** giới trẻ về **văn hóa truyền thống**.

quả 5.Hậu Đánh mất văn hóa truyền thống là **mất hết tất cả những giá trị tinh thần tốt đẹp của dân tộc**. Chúng ta không còn biết thể hiện lòng biết ơn đối với những người mang lại cho mình những điều tốt đẹp. Chúng ta không còn biết đến những trò chơi, những bài hát đã đi cùng năm tháng. Hoặc có khi tinh thần đoàn kết, tính cộng đồng cũng dần biến mất, yêu thương sẽ không còn...

pháp 6.Giải - Tổ chức các hoạt động cho giới trẻ tiếp xúc với văn hóa truyền thống: tổ chức trò chơi dân gia, gói bánh chưng dịp Tết...

- Tăng cường giáo dục trong gia đình.

hệ 7.Liên - Tìm hiểu, học tập văn hóa truyền thống.

thân bản - Tiếp nhận yếu tố văn hóa nước ngoài có chọn lọc, hòa nhập mà không hòa tan.

VĂN BẢN: KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH
(Trích Truyện Kiều- Nguyễn Du)

I- KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Vị trí đoạn trích

Nằm ở phần thứ hai của tác phẩm (*Gia biến và lưu lạc*). Sau khi biết mình bị lừa vào chốn lầu xanh. Kiều uất ức định tự vẫn. Tú Bà vờ hứa hẹn đợi Kiều bình phục sẽ gả chồng cho nàng vào nơi tử tế, rồi đưa Kiều giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, đợi thực hiện âm mưu mới.

2, Bố cục: Ba phần

- **6 câu đầu:** Hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của Kiều ở lầu Ngưng Bích.
- **8 câu tiếp:** Nỗi lòng nhớ thương Kim Trọng và cha mẹ của Kiều.
- **8 câu cuối:** Tâm trạng đau buồn, lo âu, sợ hãi của Kiều thể hiện qua cái nhìn cảnh vật.

3. Nghệ thuật, nội dung

Nghệ thuật:

- Tả cảnh ngụ tình
- Nghệ thuật miêu tả nội tâm qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm và tả cảnh ngụ tình đặc sắc

Nội dung:

Từ việc miêu tả tâm trạng của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, đoạn trích đã cho thấy cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều.

II, Đọc- hiểu văn bản

1, Cảnh ngộ và nỗi niềm của Thúy Kiều (sáu câu thơ đầu)	. Sau bao sóng gió dập vùi, lầu Ngưng Bích là chốn yên thân của Thúy Kiều: “Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung”
---	---

	-Hai chữ “khóa xuân” đã nói lên hoàn cảnh đáng thương đang bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích của Kiều - Đặc biệt, từ “khóa xuân” thường được sử dụng để chỉ người con gái đẹp trong gia đình quyền quý thời xa xưa bị khóa kín tuổi xuân trong những khuôn khổ, phép tắc của gia đình và xã hội. Ở đây, Nguyễn Du đã sử dụng từ “khóa xuân” với hàm ý mỉa mai để nói về cảnh ngộ xót xa, trớ trêu của Thúy Kiều. . Quang cảnh xung quanh lầu Ngưng Bích hiện lên mênh mông, hoang vắng và lạnh lẽo: “Bốn bề bát ngát xa trông Cát vàng còn nọ bụi hồng dặm kia” - Không gian vô cùng rộng lớn, mênh mông, bát ngát: + Hình ảnh “non xa, trắng gần” gợi không gian dài rộng, cao sâu vô tận. Đồng thời gợi sự chờ đợi, chênh vênh, trơ trọi của lầu Ngưng Bích. + Từ láy “bát ngát” càng tô đậm hơn cái vô cùng, vô tận của không gian. - Không gian vô cùng trống trải, hoang vắng, không có dấu hiệu của sự sống: + Hình ảnh liệt kê “cát vàng”, “bụi hồng” đã nói lên sự phai nhạt của sự sống và ngồn ngộn của cảnh vật + Cặp tiểu đối “mây sớm” và “đèn khuya” gợi nỗi hắt hiu, trống vắng mênh mông của thiên nhiên -> Quang cảnh xung quanh lầu Ngưng Bích cô liêu, thiếu vắng sự sống, gợi nỗi buồn cho thân phận nhân vật . Quang cảnh đã gợi ở Kiều bao nỗi niềm tâm trạng: “Bẽ bàng mây sớm đèn khuya Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng” - Sự cô đơn, lẻ loi đến cùng cực: + Cụm từ “mây sớm đèn khuya” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người và khắc sâu thêm nỗi cô đơn + Trong khung cảnh “bốn bề bát ngát” đó, Kiều chỉ biết bầu bạn với những vật vô tri, vô giác. - Sự ngồn ngộn tram mối day dứt, âu lo: + “Xa trông” gợi lên sự trông ngóng của Thúy Kiều về một dấu hiệu của sự sống hay quen biết nào đó.
--	--

	+ Hình ảnh liệt kê “cát vàng”, “cồn nợ”, “bụi hồng”, ... trải đều ở các câu thơ đã gợi lên sự ngổn ngang trong lòng Thúy Kiều. - Nỗi chua xót, “bẽ bàng” cho thân phận: + Bị đẩy dọa trong không gian vô cùng và thời gian vô tận lại càng khắc sâu nỗi cô đơn cùng cực khiến nàng cảm thấy “bẽ bàng” + Cụm từ “như chia tấm lòng” diễn tả nỗi niềm chua xót, nỗi lòng tan nát của Kiều -> Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm. Nguyễn Du đã khắc họa bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương.
--	---

2, Nỗi nhớ chàng Kim và nỗi nhớ của cha mẹ (tám câu thơ tiếp)	a, Nỗi nhớ chàng Kim: . Trong cảnh ngộ cô đơn nơi chân trời góc bể, Kiều đau đớn nhớ tới chàng Kim, mối tình đầu mãnh liệt mà trong sáng của nàng: “Trông người dưới nguyệt chén đồng, Tin sương luống những rày trông mai chờ” - Tại sao nỗi nhớ chàng Kim là nỗi nhớ đến trước mà không phải là cha mẹ? Bởi khi Kiều bán mình chuộc cha là nàng đã làm chữ hiếu đang dở chữ tình. Cái mặc cảm của một kẻ phụ tình luôn thường trực trong suy nghĩ của nàng nên nó đã xuất hiện trước. - Nói về nỗi nhớ của Thúy Kiều, Nguyễn Du không dùng từ “nhớ” mà dùng từ “trông”: + Từ “trông” vừa là nhớ, vừa là hình dung, tưởng tượng ra người mình yêu. + Kiều “trông” như thấy lại đêm trăng đẹp nhất của cuộc đời mình. Cái đêm mà nàng cùng Kim Trọng thề nguyện đính ước bên nhau. + Thúy Kiều như tưởng tượng thấy, ở nơi xa kia, người yêu cũng đang nhớ về mình, đang ngày đêm đau đáu chờ tin nàng: “Tin sương luống những rày trông mai chờ”. . Càng nhớ chàng Kim, càng nuối tiếc mối tình đầu, Kiều càng thấm thía tình cảnh của mình: “Bên trời góc bể bơ vơ Tấm son gột rửa bao giờ cho phai” + Kiều tủi nhục khi tấm lòng son đã bị vùi dập, hoen ố, không biết bao giờ mới gột rửa được + Dầu vậy, tấm lòng thủy chung, son sắt của nàng vẫn không nguôi nhớ về Kim Trọng. -> Tấm lòng vị tha, thủy chung son sắt trước sau như một của Thúy Kiều thật đáng trân trọng.
---	--

	c, Nỗi nhớ cha mẹ ở nơi xa: Tâm trạng đau đớn, thương nhớ người yêu hắt hủi chưa nguôi, Kiều lại chông chênh thêm nỗi nhớ thương cha mẹ: “Xót người tựa cửa hôm mai Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ? Sân lai cách mấy nắng mưa Có khi gốc tử đã vừa người ôm” - Chữ “xót” diễn tả một cách chính xác tấm lòng của Kiều dành cho cha mẹ. - Nàng xót xa khi hình dung ra chốn quê nhà cha mẹ vẫn ngày đêm tựa cửa ngóng trông, lo lắng cho nàng - Nàng tự trách bản thân mình vì chưa làm tròn chữ hiếu: + Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” cho thấy sự day dứt khôn nguôi vì không thể tự hầu hạ, chăm sóc, nâng giắc cho cha mẹ. + Nàng lo lắng không biết giờ đây ai là người chăm sóc cha mẹ khi thời tiết đổi thay. + Nàng tưởng tượng nơi quê nhà đã đổi thay, “gốc tử đã vừa người ôm”, thời gian trôi đi mẹ càng ngày càng già yếu mà mình thì không thể phụng dưỡng. - Cụm từ “cách mấy nắng mưa” vừa nói được sự xa cách bao mùa mưa nắng, vừa gợi sự tàn phá của thời gian đối với cảnh vật của con người, làm cho cha mẹ ngày càng già yếu, và cần bàn tay chăm sóc của nàng. - Nỗi nhớ được bộc lộ qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm nên càng chân thực, cảm động. => Nỗi nhớ của Kiều dành cho Kim Trọng và cha mẹ nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng. Trong cảnh ngộ ở lầu Ngưng Bích, nàng mới là người đáng thương nhất. Nhưng quên đi cảnh ngộ của bản thân, nàng đã hướng yêu thương và những người thân yêu nhất. Nàng thật sự là một người tình thủy chung, một người con hiếu thảo, một con người có tấm lòng vị tha, cao cả.
3, Tâm trạng của Kiều qua cách nhìn cảnh vật	- Mọi cảnh vật qua con mắt của Kiều đều gợi lên những nét buồn da diết:

(tám câu thơ cuối)	+ Cách sử dụng ngôn ngữ độc thoại và điệp từ: Mỗi cặp lục bát làm thành một cảnh và đều được tác giả khắc họa, liên kết qua điệp từ “buồn trông”. + “Buồn trông” có nghĩa là buồn mà nhìn ra xa trông ngóng một gì đó mơ hồ sẽ đến làm đổi thay hiện tại, nhưng trông mà vô vọng + “Buồn trông” có cái thảng thốt lo âu, có cái xa lạ cuốn hút tâm nhìn của người con gái ngây thơ, lần đầu lạc bước giữa cuộc đời ngang trái, mang tính dự cảm hãi hùng. - Điệp ngữ “buồn trông” kết hợp với những hình ảnh đứng sau đó đã diễn tả nỗi buồn ngày càng tăng với nhiều sắc độ khác nhau như những con sóng lòng không sao chịu nổi, những nỗi buồn vô vọng, vô tận: . Cảnh đầu tiên: “Buồn trông cửa bể chiều hôm Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa” + Là bức tranh của cảnh chiều hôm nhớ nhà. Thời gian “chiều hôm” khiến cho nỗi buồn thân phận trở nên thấm thía + Hình ảnh ẩn dụ “cánh buồm” là hình ảnh rất đắt để thể hiện ngoại cảnh và nội tâm nhân vật. Cánh buồm nhỏ nhoi đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le lói cuối cùng của mặt trời sắp tắt. Con thuyền mỗi lúc một xa, rồi gần như mất hút, biết bao giờ mới tìm được bến bờ neo đậu; cũng như Kiều còn lênh đênh giữa dòng đời, biết bao giờ mới được trở về sum họp, đoàn tụ với những người thân yêu. -> Cảnh ấy gợi trong lòng người lưu lạc nỗi buồn nhớ da diết về quê nhà xa cách . Cảnh thứ hai: “Buồn trông ngọn nước mới xa Hoa trôi man mác biết là về đâu?” + Cùng với hình ảnh “cánh buồm”, hình ảnh ẩn dụ “hoa trôi” cũng thể hiện cho nỗi buồn, cho thân phận lênh đênh, nổi chìm giữa dòng đời của Thúy Kiều + Câu hỏi tu từ cho thấy sự mất phương hướng, gợi một nỗi băn khoăn thấp thỏm. + Tạo dựng được một bức tranh tương phản: một bên là không gian của cửa bể lúc thủy triều lên và một bên là hình ảnh những
----------------------------------	---

cánh hoa tàn trôi man mác trên mặt nước. Tác giả đã tô đậm sự nhỏ bé, lênh đênh, trôi dạt của con thuyền, của những cánh hoa đã tàn, đã rụng.

-> Câu thơ ẩn dụ cho thân phận nổi chìm giữa dòng đời của Thúy Kiều rồi sẽ trôi dạt, bị vùi dập nơi cao.

. Cảnh thứ ba:

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

+ Đây là cảnh khá ấn tượng, dễ gợi liên tưởng đến cảnh xuân hôm nào trong tiết thanh minh. Tuy nhiên, không phải là “cỏ non xanh tận chân trời” đầy sức sống mà là “nội cỏ rầu rầu” với sắc xanh héo úa, nhàn nhạt trải từ mặt đất đến chân mây

+ Nét vẽ không gian: “nội cỏ”, chân mây”, “mặt đất” gợi một không gian, vô cùng rộng lớn đang đầy ải nàng Kiều

+ Từ láy “rầu rầu” vẽ nên cả một vùng cỏ cây tàn héo, và gợi nỗi sầu thương cô lẻ.

+ Từ láy “xanh xanh” gợi một sắc xanh nhạt nhòa, xa cách, nhạt phai

Cảnh mờ mịt như tương lai mờ mịt, Thúy Kiều cảm nhận rõ sự cô đơn, nhỏ nhoi của thân phận.

. Cảnh cuối:

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

+ Bức tranh thiên nhiên dữ dội và đầy biến động: Gió cuốn mặt duềnh đầy giận dữ; sóng thì ầm ầm kêu réo khi thủy triều lên; thậm trí Kiều còn có cảm giác những con sóng dữ dội kia đang bủa vây ngay sát bên mình.

+ Thiên nhiên là một ẩn dụ cho những biến cố kinh hoàng sắp sửa ập xuống cuộc đời nàng; ẩn dụ cho những con sóng số phận sắp sửa chôn vùi nàng; ẩn dụ cho một tương lai đầy sóng gió.

-> Thiên nhiên hiện lên chân thực, sinh động nhưng cũng rất ảo. Đó là cảnh được nhìn qua tâm trạng theo quy luật: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

	- Cảnh được nhìn từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động để diễn tả nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến bão táp của nội tâm. => Tám câu cuối là đoạn thơ tiêu biểu cho bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du. Đó là cách biểu hiện “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”, là thực cảnh mà cũng là tâm cảnh.
--	---

III- ĐỀ BÀI LUYỆN TẬP

A) DẠNG ĐỀ ĐỌC- HIỂU

Chép chính xác đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” đoạn “Tuồng người ... người ôm”.

a) Giải nghĩa “chén đồng”, “quạt nồng ấp lạnh”?

b) Đoạn trích trên nói về nỗi nhớ của Kiều với ai? Theo em nỗi nhớ của Kiều có hợp lí và logic không? Vì sao?

c) Viết một đoạn văn khoảng 15 – 20 câu theo phép lập luận quy nạp nêu cảm nhận của em về những phẩm chất của Kiều được thể hiện ở đoạn trích trên. Trong đoạn văn có sử dụng một phép thế để liên kết (gạch từ ngữ sử dụng trong phép thế).

Gợi ý:

a) Giải nghĩa “chén đồng”: chén rượu thề nguyện cùng lòng cùng dạ (đồng tâm) với nhau.

“Quạt nồng ấp lạnh”: Mùa hè, trời nóng bức thì quạt cho cha mẹ ngủ, mùa đông trời lạnh thì nằm trước trong giường (ấp chiếu chăn) để khi cha mẹ ngủ, chỗ nằm đã ấm sẵn. Ý cả câu nói về sự lo lắng không biết ai sẽ phụng dưỡng, chăm sóc cho cha mẹ.

b) Đoạn trích trên nói về nỗi nhớ của Kiều với Kim Trọng và cha mẹ.

Theo em nỗi nhớ đó rất hợp lí và logic vì: Thúy Kiều nhớ Kim Trọng trước cha mẹ vì:

+ Đối với cha mẹ: Trước khi tai biến xảy ra, Kiều đã hi sinh mọi tình đầu, bán mình chuộc cha, đã làm tròn bổn phận của người con.

+ Còn đối với Kim Trọng: Kiều cảm thấy phụ tình chàng, không giữ được lời hẹn ước với chàng.

c) - Đoạn văn quy nạp

- Nội dung: Đảm bảo các ý chính nêu cảm nhận về những phẩm chất của Kiều được thể hiện ở đoạn trích

+ Lòng thủy chung, tình yêu mãnh liệt

. Nhớ Kim Trọng da diết

. Xót xa khi nghĩ đến cảnh Kim Trọng ngày đêm ngóng chờ mình

. Khẳng định tình yêu của mình với Kim Trọng không bao giờ phai nhạt.

+ Lòng hiếu thảo hết mực với mẹ cha:

. Hiểu rõ tấm lòng đau đớn, nhớ nhung con của cha mẹ, vì thế mà càng xót xa hơn khi nghĩ đến cảnh cha mẹ vì mình mà vô vô ngóng trông

. Lo lắng vì mình không thể ở gần để ngày đêm phụng dưỡng song thân.

. Xót xa nghĩ tới cảnh cha mẹ mỗi ngày một già yếu mà mình thì vẫn ở “bên trời góc bể”

+ Lòng vị tha hết mực:

. Trong cảnh ngộ bị lưu lạc, đọa đầy trong chốn lầu xanh, nàng vẫn luôn nghĩ và lo lắng cho người thân hơn cả lo nghĩ cho mình

. Nàng luôn tự trách, tự nhận lỗi về mình trong mọi việc.

* Sử dụng đúng phép thế để liên kết(gạch dưới)

****Đoạn văn tham khảo:**

Đoạn thơ trên trích trong văn bản “Kiều ở lầu Ngưng Bích” trong tác phẩm “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, nói về nỗi nhớ Kim Trọng và cha mẹ. Trước hết nàng đau đớn nhớ tới chàng Kim. Điều này vừa phù hợp với quy luật tâm lí vừa thể hiện sự tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du. Nhớ tới người tình là nhớ đến tình yêu nên bao giờ Kiều cũng nhớ tới lời thề đôi lứa “Tuồng người dưới nguyệt chén đồng” vừa mới hôm nào nàng và chàng cùng uống chén rượu thề, thề nguyên son sắc, hẹn ước trăm năm dưới trời trăng vàng vạc mà nay mỗi người mỗi ngả, mỗi duyên tình ấy đã được cắt đứt đột ngột. Nàng xót xa ân hận như một kẻ phụ tình, đau đớn khi hình dung cảnh người yêu đang ngày đêm chờ tin nàng mà uống công vô ích “Tin sương luống những rày trông mai chờ”. Lời thơ như có nhịp thốn thức của một trái tim yêu thương nhỏ máu. Tấm lòng son trong trắng của Kiều đã bị vùi dập, hoen ố, biết bao giờ mới gột rửa được “Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”. Đó cũng là tấm lòng nhớ thương Kim Trọng không bao giờ nguôi quên. Đối với Kim Trọng, Kiều thật sâu sắc, thủy chung, thiết tha, day dứt với hạnh phúc lứa đôi. Tiếp đến Kiều xót xa khi nghĩ tới cha mẹ: “Xót người tựa cửa hôm mai”. Nghĩ tới song thân, nàng thương và xót, nàng thương cha mẹ khi sáng, khi chiều tựa cửa ngóng tin con, trông mong sự đỡ đần, nàng xót xa lúc cha mẹ tuổi già sức yếu mà nàng không được tự tay chăm sóc và hiện thời ai người trông nom. Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” cùng với điển cố “gốc tử” đã thể hiện sự nhớ nhung và lo lắng, quan tâm của Kiều đối với cha mẹ. Hình ảnh nắng mưa nói lên sự vất vả cực nhọc của cha mẹ làm cho Kiều luôn đau xót và nghĩ mình bất hiếu khi không đền đáp được công lao cha mẹ. Điều đó cho thấy Kiều là người con hiếu thảo, rộng lượng, vị tha. Tóm lại, nỗi nhớ Kim Trọng, cha mẹ được Thúy Kiều thể hiện thật sâu sắc cảm động.

Đề bài:

- Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” có câu: “Buồn trông cửa bể chiều hôm”.
- a) Chép chính xác 7 dòng thơ tiếp theo.
 - b) Một trong những nghệ thuật tiêu biểu của đoạn thơ trên là việc sử dụng điệp ngữ. Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của phép điệp ngữ đó trong việc diễn tả tâm trạng của Thúy Kiều.
 - c) Mỗi cảnh vật được miêu tả trong đoạn thơ là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng Thúy Kiều. Hãy chỉ ra ý nghĩa của những ẩn dụ đó.
 - d) Đoạn thơ đã cho thấy sự thành công của Nguyễn Du trong việc sử dụng bút pháp nghệ thuật nào?
 - e) Viết một đoạn văn theo cách tổng – phân – hợp khoảng 5 – 8 câu diễn tả cảm nhận của em về cảnh ngộ và tâm trạng của nàng Kiều trong đoạn thơ.

Gợi ý:

- b) Điệp ngữ “buồn trông” được lặp đi lặp lại 4 lần ở đầu mỗi câu thơ gợi lớp lớp nỗi buồn trùng điệp dồn tới từ man mác, lo âu đến kinh sợ hãi hùng, nỗi buồn trùng điệp dồn tới bao trùm thân phận nhỏ bé của Thúy Kiều như nhấn chìm nàng, chỉ còn tiếng nàng kêu cứu đồng vọng cùng thiên nhiên.
- c) Mỗi cảnh vật thiên nhiên đồng thời là một ẩn dụ về tâm trạng của Thúy Kiều.
 - Hình ảnh “cánh buồm thấp thoáng” nơi “cửa bể chiều hôm” khơi gợi nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương của Kiều.
 - Hình ảnh “cánh hoa trôi” man mác giữa dòng gợi nỗi buồn về số phận trôi nổi, lênh đênh không biết đi đâu, về đâu của Kiều.
 - Hình ảnh “nội cỏ rầu rầu” kết hợp với hình ảnh “chân mây mặt đất” gợi tâm trạng bi thương về tương lai mờ mịt.
 - Thiên nhiên dữ dội với “gió cuốn mặt duềnh”, “ầm ầm tiếng sóng” cho thấy tâm trạng lo sợ hãi hùng trước những tai họa đang rình rập sẽ đổ ập xuống cuộc đời nàng.
- d) Đoạn thơ đã cho thấy sự thành công của Nguyễn Du trong việc sử dụng bút pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.
- e) * **Mở đoạn:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “Kiều ở lầu Ngưng Bích” thuộc tác phẩm “Truyện Kiều” của Nguyễn Du nói về cảnh ngộ và tâm trạng của nàng Kiều.
* **Thân đoạn:** Tám câu thơ là bốn bức tranh thiên nhiên gợi liên tưởng đến thân phận và tâm trạng nàng Kiều. Mỗi cảnh vật là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng của Kiều.
 - + Cảnh “ cửa bể chiều hôm” gợi nỗi buồn hoang vắng, đơn côi của Kiều. Nên khi nhìn thấy cánh buồm thấp thoáng trong lòng Kiều sáng lên hi vọng; nàng sẽ có ngay trở lại quê hương. Nhưng khi “ Cánh buồm” vụt biến mất, hi vọng trở thành thất vọng.

+ Nhìn “ dòng nước”, nàng liên tưởng tới dòng đời. Và cuộc đời mình như một cánh hoa trôi giạt, vô định và tâm trạng xót xa, bơ vơ của Kiều.

+ Nhìn ra “ nội cỏ” trái tới chân trời, trong tâm cảm “ rầu rầu”, Kiều chỉ thấy một màu xanh xanh, lạnh lùng, ảm đạm búa vây lấy nàng.

+ Trông cảnh “ gió cuốn mặt duềnh” nàng nghe thấy “ ầm ầm tiếng sóng” kêu quanh như dự báo những điều khủng khiếp sắp xảy ra với nàng. Kiều đã rơi vào sự hoảng loạn sợ hãi,...

* **Kết đoạn:** Tóm lại, với cảnh ngộ và tâm trạng của Kiều như vậy cho thấy nàng là người con gái thật đáng thương.

B) DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đề 1 : Thế nào là nghệ thuật của cảnh ngụ tình? Phân tích 8 câu cuối trong đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* để thấy được nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.

1. Mở bài

Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du cũng như của văn học Việt Nam.

- Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* nằm ở phần thứ hai của Truyện Kiều (Gia biến và lưu lạc). Từ việc miêu tả tâm trạng của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, đoạn trích đã thể hiện cảnh ngộ và tâm trạng của Thúy Kiều cũng như tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc tả cảnh, tả tình.

Tám câu cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích đã cho thấy nghệ thuật là cảnh ngụ tình rất đặc sắc của Nguyễn Du.

2. Thân bài

a) Thế nào là tả cảnh ngụ tình?

- Trong văn học trung đại, các tác giả đã coi là cảnh ngụ tình là một trong những thủ pháp nghệ thuật quan trọng để biểu đạt ý tình và chứng tỏ khả năng hàm súc của ngôn ngữ thơ ca. Nhiều tác phẩm đã sử dụng thành công nghệ thuật tả cảnh ngụ tình: Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan; Thu vịnh Thu Điếu của Nguyễn Khuyến,...

- Tả cảnh ngụ tình là dùng cảnh thiên nhiên để diễn tả tình cảm con người. Như vậy, trong nghệ thuật là cảnh ngụ tình, cảnh là phương tiện miêu tả, tình là mục đích để tả.

b) Chứng minh

- Tóm tắt ngắn gọn cảnh ngộ của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.

- Phân tích 8 câu thơ cuối.

Tám câu thơ là bốn bức tranh thiên nhiên gợi liên tưởng đến thân phận và tâm trạng nàng Kiều. Mỗi cảnh vật là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng của Kiều.

+ Cảnh “ cửa bể chiều hôm” gợi nỗi buồn hoang vắng, đơn côi của Kiều. Nên khi nhìn thấy cánh bướm thấp thoáng trong lòng Kiều sáng lên hi vọng; nàng sẽ có ngay trở lại quê hương. Nhưng khi “ Cánh bướm” vụt biến mất, hi vọng trở thành thất vọng.

+ Nhìn “ dòng nước”, nàng liên tưởng tới dòng đời. Và cuộc đời mình như một cánh hoa trôi giạt, vô định và tâm trạng xót xa, bơ vơ của Kiều.

+ Nhìn ra “ nội cỏ” trải tới chân trời, trong tâm cảm “ rầu rầu”, Kiều chỉ thấy một màu xanh xanh, lạnh lùng, âm đạm búa vây lấy nàng.

+ Trông cảnh “ gió cuốn mặt duềnh” nàng nghe thấy “ ầm ầm tiếng sóng” kêu quanh như dự báo những điều khủng khiếp sắp xảy ra với nàng. Kiều đã rơi vào sự hoảng loạn sợ hãi,...

3. Kết bài

- Tám câu thơ, bốn cặp lục bát đã trở thành bức tranh tứ bình thiên nhiên, tứ bình tâm trạng. Mỗi bức tranh là một phần phong cảnh cũng là một khía cạnh nội tâm sâu sắc của nhân vật thấm giá vào từng câu chữ, nét cảnh.

- Bức tranh thiên nhiên và bức tâm cảnh trong Kiều ở lầu Ngưng Bích đã trở thành chuẩn mực cho nghệ thuật là cảnh ngụ tình trong văn học.

Đề 2: Phân tích cảm hứng nhân văn trong các đoạn trích chị em Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.

1. Mở bài:

- Nguyễn Du là thiên tài văn học, danh nhân văn hóa và là nhà nhân đạo chủ nghĩa. *Truyện Kiều* là kiệt tác của Nguyễn Du, kết tinh những giá trị nhân văn cao cả của dân tộc và nhân loại.

- Cảm hứng nhân văn trong *Truyện Kiều* được thể hiện rõ nét qua hai đoạn trích chị em Thúy Kiều và Kiều ở lầu Ngưng Bích.

2. Thân bài

a) Giải thích

Cảm hứng nhân văn trong tác phẩm *Truyện Kiều* được thể hiện:

- Sự đồng cảm, xót thương trước số phận bi kịch của con người.
- Tố cáo, lên án những thế lực xấu xa chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc chính đáng của con người.

- Khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và những khát vọng chân chính của con người như khát vọng về quyền sống, khát vọng tự do công lí, khát vọng tình yêu, hạnh phúc.

b) Cảm hứng nhân văn trong đoạn trích chị em Thúy Kiều.

- Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người: Sử dụng bút pháp ước lệ thường thấy trong thơ cổ điển, lấy hình ảnh thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp và tài năng của chị em Thúy Kiều. Điều đó thể hiện lòng yêu mến và trân trọng của Nguyễn Du đối với nhân vật.

+ Vẻ đẹp chung : Hình dáng thanh tú như cây mai, tâm hồn sáng trong như tuyết, ẩn dụ so sánh làm toát lên vẻ đẹp cao quý của hai chị em Thúy Kiều.

+ Vẻ đẹp của Thúy Kiều: tác giả nhấn mạnh cả sắc và tài của Thúy Kiều. Về sắc đẹp thì : *Sắc sảo mặn mà, nghiêng nước, nghiêng thành*. Đặc biệt đôi mắt nàng trong như nước mùa thu, lông mày thanh tú như dáng núi mùa xuân. Cao đẹp nàng lộng lẫy khiến *hoa* phải ghen, liễu phải *hờn* . Kiều thông minh, nhiều tài, tài nào cũng đạt đến đỉnh cao: *cầm, kì, thi, họa.... Đó là những tài năng* lí tưởng của giới quý tộc xưa.

- Cảm hứng nhân văn trong đoạn trích còn thể hiện ở niềm yêu thương, quan tâm cho số phận của con người:

Trong khi miêu tả vẻ đẹp và tài năng của hai chị em Thúy Kiều; Nguyễn Du đã gửi gắm vào đây những dự cảm, sự quan tâm về số phận con người;

+ Thúy Vân mang vẻ đẹp trong khuôn phép tạo hóa ban cho, dự báo trước cuộc đời nàng sẽ sung sướng, không sóng gió.

+ Vẻ đẹp của Thúy Kiều lộng lẫy khiến thiên nhiên phải ganh ghét với nàng hưởng chi con người. Vì vậy đời nàng tất sẽ long đong vất vả. Từ giọng điệu đến hình ảnh thơ đều phẳng phát nổi lo lắng, dự cảm của Nguyễn Du cho số phận của nàng, một kiếp người tài hoa bạc mệnh. Chính niềm yêu thương, trân trọng và dự cảm ấy đã làm vơi đi một nỗi ám ảnh về triết lí “ tài hoa bạc mệnh” và tạo nên nét tươi sáng cho cảm hứng nhân văn trong đoạn trích.

- Đọc đoạn thơ trái tim ta như hòa cùng cảm hứng nhân văn để rồi lòng mình có thêm niềm yêu thương, trân trọng con người nhiều hơn.

c) Cảm hứng nhân văn trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích

- Trân trọng đề cao vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều.

+ Kiều là con người tình nghĩa, thủy chung trong tình yêu; miêu tả nỗi nhớ của Kiều với Kim Trọng- nỗi nhớ có sự day dứt vì Kiều thấy mình là người có lỗi. Nàng nhủ lòng luôn giữ một chữ *son* , một tình yêu thủy chung dành cho Kim Trọng.

+ Kiều là người con hiếu thảo, giàu đức hi sinh: trong hoàn cảnh cô độc, đáng thương, Kiều đã quên bản thân mình, xót thương khi hình dung cảnh cha mẹ già nơi quê nhà sáng chiều vẫn tựa cửa ngóng trông đứa con lưu lạc, lo lắng cho cha mẹ khi không biết có ai phụng dưỡng, chăm sóc.

- Nhà thơ thể hiện thái độ cảm thông sâu sắc cho nhân vật Kiều qua nghệ thuật tả cảnh ngụ tình ở 8 câu cuối:

+ Cảm hứng nhân văn được thể hiện ở bức tranh tứ bình, mỗi cặp lục bát là một bức tranh tâm trạng với những diễn biến nội tâm tinh tế.

+ Nguyễn Du đã thấu hiểu và đồng cảm nỗi đau khổ, tuyệt vọng của nàng, xót xa. Không biết thân phận của Kiều rồi sẽ đi về nơi đâu.

- Đoạn trích gián tiếp tố cáo bọn bất lương buôn thịt bán người phụ nữ trong đó có Thúy Kiều rơi vào bất hạnh, khổ đau.

3. Kết bài

- Cảm hứng nhân văn là cảm hứng xuyên suốt tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và được thể hiện rõ nét qua hai đoạn trích *Chị em Thúy Kiều*, *Kiều ở lầu Ngưng Bích*.

- Tấm lòng yêu thương, quan tâm số phận con người; đồng cảm, trân trọng, ngợi ca những giá trị người cao đẹp; bất bình, tố cáo cái ác, cái xấu đã chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc chính đáng của con người... là những cảm xúc nhân văn khẳng định sức sống của kiệt tác *Truyện Kiều*.

VĂN BẢN: LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

(Trích *Truyện Lục Vân Tiên* – Nguyễn Đình Chiểu)

I- KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tác giả

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), còn gọi là Đồ Chiểu, quê cha ở xã Bò Điều, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên- Huế, nhưng sinh tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (Nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

- Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu gặp nhiều trắc trở gian truân. Nhưng vượt lên nỗi đau, cuộc đời ông lại là bài học lớn về nghị lực sống, sống để cống hiến cho đời, tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm.

+ Bị mù đôi mắt, nhưng Nguyễn Đình Chiểu vẫn vươn lên sống và làm nhiều việc có ích: dạy học, bỏ thuốc, sáng tác thơ văn.

+ Khi giặc Pháp xâm lược Nam Bộ, Nguyễn Đình Chiểu đã nêu cao lập trường kháng chiến, bất hợp tác với giặc, giữ vững khí tiết, sáng tác thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân.

- Tác phẩm tiêu biểu : *Truyện Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *chạy giặc*, *văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*...

2. Tác phẩm

- *Truyện Lục Vân Tiên* là Truyện thơ Nôm có 2082 câu thơ lục bát, được Nguyễn Đình Chiểu sáng tác vào khoảng đầu thập kỉ 50 của thế kỉ XIX. Truyện được truyền rộng rãi, có sức sống mạnh mẽ và lâu bền trong lòng nhân dân, đặc biệt nhân dân Nam Bộ.

- Cốt truyện gồm 4 phần:

- + Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga
- + Lục Vân Tiên gặp nạn và được cứu giúp
- + Kiều Nguyệt Nga gặp nạn mà vẫn giữ lòng chung thủy
- + Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga gặp nhau
- Nội dung truyện đề cao đạo lí làm người:
 - + Ca ngợi tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội: tình cha con, mẹ con, nghĩa vợ chồng, tình bạn bè lòng yêu thương sẵn sàng cứu mang đùm bọc những người gặp hoạn nạn.
 - + Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng ra tay cứu khổ, phòng nguy.
 - + Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời; thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà.
- Nghệ thuật:
 - + Truyện Lục Vân Tiên một truyện thơ Nôm mang tính chất truyện kể nhiều hơn là để đọc, để xem; vì thế người ta thường “ kể thơ”, “ nói thơ”, “ hát” Vân Tiên.
 - + Tính cách nhân vật được bộc lộ qua việc làm, lời nói, cử chỉ, ít khi biểu hiện qua nội tâm.
 - + Kiểu kết cấu ước lệ: người tốt thường gặp nhiều gian truân, trắc trở trên đường đời, bị kẻ xấu hãm hại, lừa lọc, nhưng họ vẫn được phù trợ, cứu mang, cuối cùng được hưởng hạnh phúc. Kẻ xấu bị trừng trị. Kết cấu thể hiện chân lý cuộc sống và khát vọng của nhân dân; ở hiền gặp lành, cái thiện thắng cái ác.

3. Đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

- Xuất xứ: nằm ở phần đầu của *Truyện Lục Vân Tiên*.
- Đại ý : Trên đường trở về nhà thăm cha mẹ trước khi lên kinh ứng thí. Lục Vân Tiên gặp bọn cướp đang quấy nhiễu dân lành. Thấy truyện bất bình, Vân Tiên đã ra tay cứu giúp, đánh tan bọn cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga và cô hầu Kim Liên.

II- ĐỀ BÀI LUYỆN TẬP

Đề bài:

Trong chương trình Ngữ văn lớp 9, em có học một tác phẩm, trong đó có hai câu thơ:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng

- a. Hãy cho biết hai câu thơ ấy trích trong tác phẩm nào?
- b. Em hãy giới thiệu những nét chính về tác giả của tác phẩm đó.?
- c. Em hiểu nghĩa của hai câu thơ như thế nào? Tác giả muốn gửi gắm điều gì qua hai câu thơ ấy?

Gợi ý:

a. Hai câu thơ trong đoạn “ Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”. Trích trong tác phẩm truyện thơ “ Lục Vân Tiên” của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.

b. Giới thiệu được những nét chính về cuộc đời của NĐ C:

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), còn gọi là Đồ Chiểu, quê cha ở xã Bồ Đề, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên- Huế, nhưng sinh tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (Nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

- Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu gặp nhiều trắc trở gian truân. Nhưng vượt lên nỗi đau, cuộc đời ông lại là bài học lớn về nghị lực sống, sống để cống hiến cho đời, tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm.

+ Bị mù đôi mắt, nhưng Nguyễn Đình Chiểu vẫn vươn lên sống và làm nhiều việc có ích: dạy học, bỏ thuốc, sáng tác thơ văn.

+ Khi giặc Pháp xâm lược Nam Bộ, Nguyễn Đình Chiểu đã nêu cao lập trường kháng chiến, bất hợp tác với giặc, giữ vững khí tiết, sáng tác thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân.

- Tác phẩm tiêu biểu : *Truyện Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu, chày giặc, văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Ngư Tiều y thuật vấn đáp...*

c. Biết vận dụng kiến thức từ Hán- Việt để giải thích ý nghĩa hai câu thơ. Từ đó rút ra ý tứ của tác giả muốn gửi gắm qua câu thơ.

- Kiến: thấy (chứng kiến)

- Ngãi: (nghĩa) : lẽ phải làm khuôn phép ứng xử

- Bất: chẳng, không

- Vi: làm(hành vi)

- Phi: trái, không phải.

* Từ đó ta có thể hiểu nghĩa của hai câu thơ là thấy việc hợp với lẽ phải mà không làm thì không phải là người anh hùng.

* Qua hai câu thơ, tác giả muốn thể hiện một quan niệm đạo lí: người anh hùng là người sẵn sàng làm việc nghĩa một cách vô tư, không tính toán. Làm việc nghĩa là bổn phận, là lẽ tự nhiên. Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán.

Đề bài : *Phân tích đoạn thơ Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga để thấy tính cách tốt đẹp của Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.*

1. Mở bài

- Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888) là nhà thơ lớn của dân tộc, là tấm gương sáng ngời về nghị lực sống và cống hiến cho đời, về tấm lòng yêu nước, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm. *Truyện Lục Vân Tiên* là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của *Nguyễn Đình Chiểu*, được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân.

- Đoạn thơ Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga nằm ở phần đầu của truyện Lục Vân Tiên đã thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả và khắc họa những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật chính: Lục Vân Tiên tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa, khinh tài; Kiều Nguyệt Nga, hiền hậu, nết na, ân tình.

2. Thân bài

a) Hình ảnh Lục Vân Tiên

* Là chàng trai dũng cảm đánh cướp cứu dân lành:

- Tình huống : bọn cướp Phong Lai rất hung dữ, sống ở trên núi thường xuống làng cướp của, bắt những cô gái đẹp. Trên đường về thăm cha mẹ, gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành. Vân Tiên đã bất bình ra tay cứu giúp, không kịp suy nghĩ, dẫn đo.

+ Bọn cướp đông đảo đầy đủ vũ khí, dữ dằn hung tợn nổi tiếng đến nỗi “ *Người đều sợ nó có tài khôn lường*”.

+ Vân Tiên chỉ có một mình, tay không vũ khí, chỉ “bẻ cây làm gậy” mà dám xông vào đánh bọn cướp.

Nếu là người hèn nhát, chàng có thể tránh xa; nếu là kẻ ích kỉ, chàng có thể dừng đứng trước những cảnh bất bình, để mặc người lương thiện gặp nạn. Chàng đã quyết liệt xông vào đánh cướp. Điều đó, chứng tỏ Vân Tiên là một chàng trai dũng cảm, cương trực.

- Diễn biến trận đánh:

+ Chàng đã mắng bọn cướp “.. Bớ đảng hung đồ- Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”, chủ động “ *tả đột hữu xông*”. Hình ảnh VT được so sánh với hình mẫu lí tưởng Triệu Tử Long, một dũng tướng trong truyện Tam Quốc được người Nam Bộ rất thần phục. Vân Tiên mang vẻ đẹp của một dũng tướng quả cảm. Chàng đã đánh cướp bằng tài võ nghệ điêu luyện và bằng cả tấm lòng trọng nghĩa của một đấng nam nhi.

+ Tên tướng cướp Phong Lai rất tức giận, hô quân bao vây Vân Tiên bốn phía quyết giết chết chàng.

- Kết quả: bọn cướp bị đánh “ *vỡ tan*”, những tên sống sót quăng gươm giáo bỏ chạy. Tên tướng cướp Phong Lai do chủ quan nên bị một gậy của Vân tiên mà chết.

Hành động đánh cướp của Vân Tiên bộc lộ tính cách anh hùng, tài năng và tấm lòng vị nghĩa. Đó là cái đức của con người vì việc nghĩa nên quên thân mình, cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bên trong kẻ yếu, chiến thắng những thế lực bạo tàn.

* Lục Vân Tiên là con người chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm nhân hậu:

- Sau khi đánh xong bọn cướp, Vân Tiên nghe thấy tiếng khóc, chnagf đã dừng lại hỏi han, chứng tỏ chàng là người luôn biết quan tâm tới người khác.

- Thấy hai cô gái còn chưa hết hãi hùng, Vân Tiên nghe thấy tiếng khóc, chnagf đã dừng lại hỏi han, chứng tỏ chàng là người luôn biết quan tâm tới người khác./

- Thấy hai cô gái còn chưa hết hãi hùng, Vân Tiên “ động lòng” tìm cách an ủi, động viên “ Ta đã trừ dòng lâu la”.

- Khi nghe họ nói muốn được lạy tạ ơn:

+ VT vội gặt đi ngay “ Khoan khoan ngồi đó chờ ra”. Ở đây, trong thái độ của Vân Tiên có phần câu nệ của lễ giáo phong kiến (nam nữ thụ thụ bất thân), nhưng chủ yếu là do đức tính khiêm nhường, trong sáng, vô tư của chàng. Dám liều mình cứu người, lời lẽ đánh thép khi giao chiến với giặc cướp, để rồi trước một cô gái dịu dàng Vân Tiên không tránh khỏi ngại ngùng bẽn lễn, điều đó thể hiện một lối sống lành mạnh, có giáo dục, nề nếp.

+ Lời nói, thái độ khiêm nhường, nhã nhặn của chàng: “ Làm ơn há dễ trông người trả ơn”, “ Nhớ câu kiến ngãi bất vi- Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.

Chàng không muốn nhận cái lạy tạ ơn của hai cô gái, từ chối lời mời về thăm nhà của Nguyệt Nga để cha nàng đền đáp, và ở đoạn sau, từ chối nhận chiếc trâm vàng của nàng của nàng, chỉ cùng nhau xướng họa một bài thơ rồi thanh thản ra đi, không hề vắn vương. Dường như đối với Vân Tiên, làm việc nghĩa là một bổn phận, một lẽ tự nhiên, con người trọng nghĩa khinh tài ấy không coi là công trạng. Đó là cách ứng xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán.

Với những nét tính cách đó, hình ảnh Lục Vân Tiên đã trở thành hình ảnh đẹp mang tính lí tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin và ước vọng của mình về những con người tài đức, dám ra tay cứu nạn giúp đời.

b) Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga

Kiều Nguyệt Nga vốn là một tiểu thư con quan, dung nhan đẹp đẽ, thùy mị nét na. Ở đoạn thơ này, hình ảnh Kiều Nguyệt Nga chỉ được biểu hiện qua những lời lẽ mà nàng giải bày với Lục Vân Tiên.\

- Trước hết, đó là lời lẽ của một cô gái khuê các, thùy mị nét na có học thức:

+ Cách xưng hô “ quân tử”, “ tiện thiếp” thể hiện sự khiêm nhường.

+ Cách nói năng văn vẻ, dịu dàng, mực thước: “Làm con đâu dám cãi cha”, “ Chút tôi liễu yếu đào tơ- Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần”

+ Cách trình bày vấn đề rõ ràng khúc triết, vừa đáp ứng đầy đủ những điều thăm hỏi ân cần của Lục Vân Tiên, vừa thể hiện chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình: “ Trước xe quân tử tạm ngồi- Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa”.

- Kiều Nguyệt Nga là người con gái trọng ơn nghĩa: đối với Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga là người chịu ơn, không chỉ ơn cứu mạng, mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng(đối với người con gái, điều đó còn quý hơn tính mạng): “ Lâm nguy chẳng gặp giải nguy- Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi”.

Như vậy, Nguyệt Nga là cô gái có học thức, hiểu biết, nét na, trọng ơn nghĩa. Nàng tiêu biểu cho vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến: công, dung, ngôn, hạnh.

3, Kết luận:

- Các nhân vật hầu như không được khắc họa chân dung, ngoại hình cũng như nội tâm; chủ yếu được miêu tả qua hành động, cử chỉ, lời nói. Ngôn ngữ miêu tả mộc mạc, bình dị, gần với lời nói thông thường và mang màu sắc địa phương Nam Bộ.
- tuy nhiên, nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga hiện ra vẫn rất sinh động có sức khái quát lớn. Đó là những con người đẹp để mang màu sắc lí tưởng phong kiến, gửi gắm quan niệm thẩm mĩ của tác giả. “ Trài thời trung hiếu làm đầu- Gái thời tiệt hạnh lấy câu chau mình”.

Đề bài: Suy nghĩ về Lục Vân Tiên thời nay qua hai câu thơ: “Nhớ câu kiến nghĩa bất vi Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”

▪ Bài viết tham khảo:

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ xuất sắc, nhà yêu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Ông dùng ngòi bút sắc bén của mình để chiến đấu chống cái xấu, cái ác trong xã hội, mong ước xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ. Lục Vân Tiên là nhân vật lý tưởng, được ông trau chuốt và gửi gắm vào nhân vật này biết bao tình cảm và khát vọng lớn lao. Phẩm chất anh hùng và hiệp nghĩa của Lục Vân Tiên thể hiện rõ nét qua lời giải bày với Kiều Nguyệt Nga khi nàng có nguyện vọng báo đáp ơn cứu giúp của chàng:

*“Nhớ câu kiến nghĩa bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.*

Từ nghĩa khí của chàng Lục Vân Tiên, nghĩ về lối sống của con người thời nay thật buồn lắm thay. Khi kinh tế phát triển, nền đạo đức xuống cấp, tình người phai nhạt, nhiều người đã chọn lối sống thấp kém, đề cao vật chất, xem nhẹ tình người. Chính sự vô cảm ấy đã gây ra biết bao chuyện đau lòng.

Khi ra tay đánh tan bọn cướp hung bạo Phong Lai, Lục Vân Tiên chỉ nghĩ đến việc giải nguy cứu người và dạy cho bọn cướp một bài học đích đáng, bảo vệ dân lành chứ không hề nghĩ đến chuyện ơn nghĩa đáp đền. Lục Vân Tiên là đại diện cho công lí, đại diện của lý tưởng sáng ngời về lẽ công bằng ở đời. Đối với chàng “giữa đường gặp chuyện bất bình chẳng tha”. Chàng đại diện cho những bậc anh hùng trong xã hội

phong kiến, đề cao dũng khí, cam trường ra tay hành hiệp trượng nghĩa cứu người yếu đuối trừng phạt kẻ hung bạo:

*“Kiến ngãi bất vi vô dũng giả
Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng”.*

Với nhân vật Lục Vân Tiên nhà thơ đã xây dựng một mẫu người lý tưởng trong xã hội phong kiến đương thời trên nền tảng đạo đức Nho giáo. Cũng qua nhân vật này, ông muốn xây dựng một xã hội lý tưởng. Ở đó, cái tốt đẹp được coi trọng và ngưỡng mộ, người tài đức được trọng dụng, các oan khuất được giải minh.

Bằng việc khắc họa hành động anh hùng, hiệp nghĩa của Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình chiểu mạnh mẽ khẳng định rằng muốn xây dựng một xã hội lý tưởng phải tiêu diệt những hạng người xấu xa, độc ác. Tác phẩm thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời thông qua kết thúc có hậu của tác phẩm là thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà. Lục Vân Tiên là một bản trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những người trung nghĩa, xem thường danh lợi, vì nhân dân mà hành động.

Ngày nay, tinh thần hiệp nghĩa ấy vẫn còn tỏa sáng trong cuộc sống, trở thành tấm gương điển hình của hành động dũng cảm cứu người khi lâm nguy, hoạn nạn, được nhân ca ngợi và đề cao. Báo chí đã đưa tin rất nhiều về hành động cứu giúp người hoạn nạn, bảo vệ tài sản của người gặp nạn của các “hiệp sĩ” ở Bình Dương. Họ xuất thân là những người chạy xe thồ, những người lao động bình thường. Họ không có chức năng thi hành pháp luật, cũng không có trách nhiệm phải bảo vệ người khác được nhà nước quy định.

Thế nhưng, bất bình trước hành động ngang ngược, phạm pháp của bọn cướp, các anh đã ra tay trấn áp chúng, bảo vệ tính mệnh và tài sản trước nhân dân. Không những thế, các anh còn tham gia đuổi bắt và truy tố chúng trước pháp luật để kẻ ác bị trừng trị, dân lành được bảo vệ, công lí được thực thi. Nhiều lần, bị bọn cướp hăm dọa, thậm chí là tấn công gây thương tích nhưng các anh vẫn giữ vững lí tưởng. Các anh chính là những Lục Vân Tiên can trường, dũng khí, quyết chiến đấu để bảo vệ lẽ công bằng trong thời đại mới.

Chúng ta cũng không quên hình ảnh của MC Phan Anh rong ruổi trên khắp nẻo đường, tìm đến và hỗ trợ, cứu giúp đồng bào các vùng thiên tai lũ lụt. Ở đâu có người khó khăn, anh đều tìm cách giúp đỡ họ vượt qua hoạn nạn. Không những thế, anh còn kêu

gọi, vận động các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện, các doanh nghiệp, cá nhân có chung nguyện vọng cùng chung tay giúp sức tạo nên một phong trào tương trợ nhân ái rộng lớn trên khắp cả nước.

Nhiều khi, các chương trình hành động của anh bị nhiều người soi mói, chỉ trích, vu khống, cố tình bôi nhọ danh dự và nhân phẩm của anh nhưng Phan Anh đã dũng cảm vượt qua. Anh đã đứng vững và tiếp tục hành động. Phan Anh xứng đáng được ca ngợi như một Lục Vân Tiên trong thời đại ngày.

Thế nhưng, trong cuộc sống vẫn còn lắm người thờ ơ trước nghịch cảnh khổ đau của người khác. Cuộc sống tiện nghi khiến họ ngày càng trở nên vô cảm, vô tình. Họ chỉ biết lợi ích của bản thân mà bỏ rơi người khác trong khó khăn hoạn nạn. Thậm chí là còn tiếp tay cho kẻ ác.

Trong thời gian qua, báo chí cũng đưa tin rất nhiều về những vụ “hôi của” của nhân dân khi các xe hàng gặp tai nạn trên địa bàn. Vụ tai nạn xảy ra khiến cho nhiều hàng hóa trên xe đổ ra đường. Người dân vô tình vô cảm, không những không chung tay cứu giúp mà còn thân nhiên lấy đi hàng hóa mặc cho tài xế van nài thảm thiết. Đến khi lực lượng chức năng đến hỗ trợ người bị nạn, họ vẫn cứ tiếp tục hành động mà không chút xấu hổ. Đó là một thực trạng đau lòng, đáng tủi nhục.

Cũng có nhiều vụ tai nạn giao thông xảy ra để lại cho ta nhiều suy nghĩ. Khi nạn nhân bất tỉnh, nhiều kẻ cơ hội cũng vây quanh nạn nhân, tranh thủ lấy đi những đồ vật đáng giá rồi bỏ mặt nạn nhân trong thương tích, không cần quan tâm họ sống chết thế nào. Đó là một hành vi tàn nhẫn, vô nhân đạo.

Cũng có nhiều bạn trẻ, chỉ vì một xích mích nhỏ mà kéo bè kéo đảng đi đánh một người, gây cho họ nhiều thương tích nghiêm trọng hoặc thậm chí là mất mạng. Đó là hành động hèn hạ của kẻ tiểu nhân, ý mạnh hiếp yếu thật không đáng mặt anh hùng.

Cũng có nhiều bạn trẻ không chăm lo học hành mà lêu lổng, sống cuộc sống buông thả, hèn kém, trụy lạc trong các tệ nạn xã hội, thiếu ý chí, thiếu lý tưởng trong sáng. Họ chỉ biết đến bản thân, thậm chí là sống bản năng, tàn ác, dẫm đạp lên các giá trị đạo đức chuẩn mực của xã hội để thỏa mãn đòi sống thấp kém của mình. Đó là những ung nhọt trong xã hội cần phải sớm được gỡ bỏ để xây dựng một cuộc sống trong sạch, vững mạnh, tiến bộ.

Xã hội càng văn minh, con người càng phải biết tôn trọng và thực hiện những nguyên tắc chung, biết sống vì mọi người, đề cao lòng nhân ái và tinh thần hiệp nghĩa. Phải tuân thủ và bảo vệ pháp luật, hướng đến bảo vệ cộng đồng.

Tuổi trẻ cũng cần nỗ lực rèn luyện mình, ra sức học tập và nâng cao bản lĩnh sống. Biết đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, cái bất công, bảo vệ lẽ phải hướng đến lý tưởng cao cả.

Không còn nghi ngờ gì nữa, để bảo vệ chính mình, bảo vệ cuộc sống của chúng ta, để công lí được thực thi và kẻ ác không có cơ hội gây ra điều ác thì mỗi người phải tự hoàn thiện bản thân mình, tăng cường đoàn kết tạo nên nguồn sức mạnh to lớn kiên quyết quét sạch cái xấu xa ra khỏi cộng đồng. Mỗi các nhân hãy là một Lục Vân Tiên thời nay, đem sức mình xây dựng quê hương đất nước.

Đề bài: Sau khi học xong đoạn tích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (Ngữ văn 9 – tập một), có học sinh đã phát biểu: “Hình ảnh nhân vật Lục Vân Tiên quả là một người anh hùng, là tấm gương nghĩa hiệp tuyệt vời nhưng chỉ là trong quá khứ, còn hiện nay không có những con người như vậy nữa”.

Từ nhận thức về xã hội hiện nay, em hãy viết bài trao đổi với bạn học sinh trên.

Bài viết tham khảo:

Trong cuộc sống hiện nay, khi mà xã hội đang ngày càng phát triển đi kèm với cuộc sống cạnh tranh để mưu sinh ngày càng gắt gao hơn, có không ít người chỉ biết chăm lo vun vén cho hạnh phúc của mình. Điều đó làm cho không ít bạn trẻ hiện nay có một quan niệm sai lầm về tinh thần vị nghĩa trong cuộc sống. Họ cho rằng hình tượng Lục Vân Tiên trong quá khứ chỉ còn là ảo tưởng trong xã hội hiện nay. Thế nhưng, thực tế có phải như vậy? Tôi dám chắc với các bạn là không! Xung quanh chúng ta vẫn còn rất nhiều những tấm gương nghĩa hiệp tuyệt vời, những người anh hùng có thể chúng ta đã biết hoặc chưa biết đang hàng ngày giúp đỡ mọi người đem lại bình yên cho cuộc sống.

Chúng ta có lẽ không ai là không biết đến nhân vật Lục Vân Tiên – một trang nam nhi giàu nghĩa khí, cao thượng, sẵn sàng xả thân vì nghĩa. Không màng sống chết của bản thân, chàng đã bao lần xông thẳng vào bọn cướp “đằng đằng sát khí” để cứu người bị nạn. Xuất hiện trước mắt ta lúc nào cũng thế, Lục Vân Tiên mang dáng dấp của một hiệp sĩ, một người anh hùng ra tay cứu đời. Chàng là nhân vật lí tưởng mang đầy đủ khí phách phẩm chất của người quân tử ngày xưa. Và có lẽ cùng chính vì

tấm lòng nghĩa hiệp đó mà Lục Vân Tiên có một sức sống lâu bền trong lòng mỗi người dân từ xưa đến nay.

Thế nhưng, hiện nay chúng ta liệu còn có những Lục Vân Tiên như thế? Đó là câu hỏi mà có lẽ trong chúng ta ai cũng đã một lần đặt ra cho mình. Đứng trước cuộc đời đang mở rộng trước mắt, không ít bạn trẻ đang băn khoăn về giá trị cuộc sống, về cách sống và cách nhìn cuộc đời. Rõ ràng rằng giữa vòng xoáy của nền kinh tế thị trường, con người đang phải vật lộn từng giờ để kiếm bữa ăn. Nhưng không vì thế mà tinh thần vị nghĩa có thể được xem nhẹ. Hiện nay có không ít người tỏ ra bàng quan với sự bất bình của xã hội. Có những sự bàng quan vì không dám đấu tranh, không muốn “rước họa và thân”. Nhưng cũng có những sự bàng quan đến mức vô cảm đón hèn. Nó khiến mỗi chúng ta cảm thấy hổ thẹn đau đớn về sự tha hoá của đạo đức con người. Không đau sao được khi người ta phải ban hành cả điều luật về cứu người bị tai nạn khi tham gia giao thông, trong khi đáng lẽ ra đó là trách nhiệm, lương tâm của mỗi người. Chúng ta đang xây dựng một xã hội văn minh, ấy vậy mà cái điều tưởng chừng như là tự nguyện đó lại bị những con người “văn minh” coi thường xem nhẹ. Cũng không đau sao được khi đó đây vẫn còn những con người chỉ quan tâm đến lợi ích cá nhân mà bất chấp lợi ích cộng đồng. Không chỉ có vậy nhiều người còn xem tinh thần vị nghĩa là mơ hồ, xa xỉ, thậm chí là mảnh khõe để kiếm tiền, trục lợi. Tại sao họ không nhìn thấy hay không muốn nhìn thấy rằng cuộc đời vẫn còn rất nhiều những người sẵn sàng giúp đỡ người khác, thậm chí phải hi sinh cả bản thân mình. Tôi dường như cảm thấy có ai đang bóp nghẹt trái tim mình khi nghe tin một chàng trai mười bảy tuổi vì cứu bạn khỏi điện giật mà mất đi đôi tay và một bên chân. Mười bảy tuổi anh đang đứng trước bao ước mơ hoài bão của bản thân mình. Anh muốn kiếm tiền phụ giúp cha mẹ để nuôi các em ăn học. Thế nhưng trong cái giây phút mà lòng thương bạn đã chiến thắng tất cả, anh đã quyết định cứu bạn. Một sự hi sinh quá lớn lao và quá đau đớn. Ta tự hỏi rằng liệu những con người đang sung sướng trên đầu khổ của người khác có dám nhìn thẳng vào mắt anh, vào cơ thể tật nguyền của anh. Rồi họ có từng nghe đến một chàng trai tên Hoàng, đã lao mình xuống dòng sông Gianh lạnh buốt để cứu ba mươi sáu người trong vụ đắm đò kinh hoàng ngày 28 Tết. Trong kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông vừa qua, hai cậu bạn Dũng và Quang trên đường đi thi đã cứu người bị nạn và chậm thi 15 phút... Hoàng đã được đặc cách vào trường Hải Quân, hai bạn trẻ kia cũng đã được xét đỗ tốt nghiệp mà không phải thi lại. Có những người ích kỉ đã nói rằng tại sao lại có sự vô lí đó? Vô lí ư? Không hề. Bởi với hành động cứu người của mình, họ đã vượt qua một cách xuất sắc bài thi về sự trưởng thành, bài thi có giá trị hơn bất cứ bài thi nào mà các bạn trải qua trước đó. Rồi vẫn còn rất nhiều những tấm gương nghĩa hiệp khác vẫn đang ngày đêm giúp đỡ những mảnh đời khó khăn đấu tranh chống lại cái ác. Tất cả họ đều xứng đáng được tôn vinh. Bởi họ là những con người tuyệt vời, với những tâm hồn

cao đẹp tuyệt vời. Họ xứng đáng là những hiệp sĩ. Dầu họ không có những phép màu, những thanh gươm, nhưng chính vì vậy họ càng trở nên cao cả và đáng trân trọng. Bởi không phải ai cũng dám đón nhận nỗi đau, sự thiệt thòi về mình để mang đến hạnh phúc cho người khác.

Trong đời sống hiện nay còn có rất nhiều vấn đề đòi hỏi sự đóng góp chia sẻ của tất cả mọi người trong xã hội. Vì vậy mà tinh thần nghĩa hiệp ngày nay càng phải hiểu một cách rộng hơn, thoáng hơn. Đó là sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ người nghèo, nạn nhân chất độc da cam, đồng bào gặp thiên tai, trẻ em bị bệnh hiểm nghèo, hiến máu nhân đạo... Dầu vẫn còn những sự ích kỉ, hẹp hòi nhưng chúng ta cũng không thể không kinh ngạc trước những nghĩa cử đẹp đẽ của mỗi con người. Đó là con số hàng trăm tỉ đồng quyên góp được trong năm qua để ủng hộ đồng bào lũ lụt. Đó là những sinh viên tình nguyện mỗi mùa hè lại ra đi để giúp đỡ những miền đất còn nghèo khó của Tổ quốc. Đó là những chiến sĩ đã hi sinh trong lúc cứu dân khỏi hoả hoạn, thiên tai... Vâng, cảm ơn tất cả, cảm ơn những tấm lòng đã cho ta thấu hiểu được giá trị cuộc sống, những hành động, việc làm đã đem đến cho ta niềm tin vào tinh thần vị nghĩa...

Là một học sinh, tôi luôn ý thức được rằng cuộc sống không chỉ toàn màu hồng cũng không phải chỉ có một màu đen. Người ta sẽ lớn lên, sẽ phải thoát ra khỏi thế giới cổ tích đẹp đẽ để nhìn thẳng vào cuộc sống. Có những người bị rơi vào thất vọng vì họ chỉ nghe thấy, nhìn thấy nhiều điều xấu xa, đê hèn. Phải chăng chính những định kiến sai lầm ngay từ nhỏ đã làm mất đi ý thức vị nghĩa của mỗi con người? Phải chăng những sự thật về tinh thần nghĩa hiệp, về những tấm lòng sẻ chia cần phải được tôn vinh đề cao hơn nữa? Để thế hệ trẻ ngày nay có một cách nhìn cuộc sống tích cực đúng đắn hơn, từ đó sẽ làm được nhiều việc có ý nghĩa hơn cho bản thân, gia đình và những người xung quanh.